

**I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN ( 6 ĐIỂM)**

**Câu 1:** Dựa vào nguồn gốc, cây trồng có thể được chia làm những nhóm nào?

- A. Nhóm cây lấy gỗ và cây rau.
- B. Nhóm cây hằng năm và cây lâu năm.
- C. Nhóm cây ôn đới, nhiệt đới và á nhiệt đới.
- D. Nhóm cây lương thực và cây ăn quả.

**Câu 2:** Giá thể hữu cơ dùng để trồng cây có nguồn gốc từ:

- A. thực vật, cát, sỏi
- B. động vật, sỏi
- C. thực vật và động vật.
- D. đá, cát, sỏi.

**Câu 3.** Loại phân nào làm đất bị chua và thoái hóa nếu sử dụng nhiều trong thời gian dài?

- A. Phân đạm
- B. Phân xanh
- C. Phân cá
- D. Phân hữu cơ

**Câu 4.** Đề xuất hệ thống trồng cây không dùng đất thích hợp cho các loại rau ăn quả.

- A. Thủy canh tĩnh
- B. Thủy canh NFT
- C. Trồng cây trên giá thể tưới nhỏ giọt
- D. Thủy canh thủy triều

**Câu 5.** Dựa vào căn cứ nào để phân loại vật nuôi?

- A. Kích thước của vật nuôi
- B. Nguồn gốc
- C. Giới tính của vật nuôi
- D. Khối lượng của vật nuôi

**Câu 6.** Hạn chế của phương thức chăn thả tự do là gì?

- A. Mức đầu tư thấp.
- B. Tận dụng được nguồn thức ăn ở địa phương.
- C. Năng suất thấp, hiệu quả kinh tế thấp.
- D. Ít gây ô nhiễm môi trường.

**Câu 7.** Bác An có 1 con bò sữa có năng suất sữa là 12000 kg sữa/chu kỳ. Bác An muốn khai thác triệt để tiềm năng di truyền của con bò này, em hãy đề xuất phương pháp thích hợp giúp bác An.

- A. Lai xa
- B. Nhân giống thuần chủng
- C. Cây truyền phôi
- D. Lai cải tạo

**Câu 8.** Nguyên liệu thường sử dụng để chế biến thức ăn giàu tinh bột cho vật nuôi là nhóm nguyên liệu nào sau đây?

- A. Bột ngô, khoai, sắn
- B. Các loại bột tôm, cá
- C. Bột vỏ tôm, vỏ cua
- D. Các loại rau cỏ, lá cây

**Câu 9:** Chế biến lâm sản là:

- A. hoạt động sử dụng sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ để tạo ra các sản phẩm hữu ích, phục vụ nhu cầu thiết yếu cho con người.
- B. hoạt động sử dụng sản phẩm gỗ để tạo ra các sản phẩm hữu ích, phục vụ nhu cầu thiết yếu cho con người.

**C.** hoạt động chặt phá rừng để lấy các loại gỗ quý nằm tạo ra các sản phẩm, phục vụ nhu cầu thiết yếu cho con người.

**D.** hoạt động săn bắt động vật quý hiếm trong rừng tạo ra các sản phẩm, phục vụ nhu cầu cho con người.

**Câu 10:** Đặc trưng chu kì sinh trưởng kéo dài của cây rừng gây ra hạn chế gì cho sản xuất lâm nghiệp?

**A.** Thời gian thu hoạch rừng lâu và kéo dài, sử dụng các nguồn lực trong nông nghiệp khó khăn.

**B.** Tốc độ quay vòng vốn chậm, thời gian thu hồi vốn lâu ảnh hưởng đến tình hình tổ chức sản xuất, quản lí, sử dụng các nguồn lực trong lâm nghiệp.

**C.** Thời gian thu hoạch rừng kéo dài dẫn đến thu hồi vốn lâu, hiệu quả kinh tế thấp.

**D.** Quản lí, sử dụng các nguồn lực trong nông nghiệp khó khăn, hiệu quả kinh tế thấp.

**Câu 11.** Trồng rừng có vai trò nào sau đây?

**A.** Cung cấp lương thực cho con người.

**B.** Phủ xanh đất trống, đồi núi trọc.

**C.** Giám sự phát triển của cỏ dại.

**D.** Cung cấp thức ăn để phát triển chăn nuôi.

**Câu 12.** Trong hoạt động chăm sóc rừng, các công việc “tỉa cành, tỉa thưa” nhằm mục đích nào sau đây?

**A.** Hạn chế sự cạnh tranh dinh dưỡng của cây dại với cây rừng.

**B.** Hạn chế sự sinh trưởng, phát triển của cây dại.

**C.** Tạo không gian thuận lợi cho quá trình sinh trưởng của cây rừng.

**D.** Giúp cây rừng nâng cao sức đề kháng, tăng sức khả năng chống chịu sâu, bệnh hại.

**Câu 13.** Cây rừng ở giai đoạn thành thực có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Sinh trưởng chậm lại, tán cây đã định hình.

**B.** Khả năng ra hoa, đậu quả giảm.

**C.** Cây chuẩn bị bước vào giai đoạn hình thành quả.

**D.** Tính chống chịu của cây kém, mẫn cảm với các điều kiện bất lợi của môi trường.

**Câu 14.** Phân loại thủy sản theo nguồn gốc gồm có các nhóm:

(1) nhóm bản địa

(2) nhóm ngoại nhập

(3) nhóm nước ngọt

(4) nhóm nước mặn

(5) nhóm nước lợ

Số nhận định đúng là:

**A.** 2    **B.** 3    **C.** 4    **D.** 5

**Câu 15:** Loài thủy sản nước ngọt thuộc nhóm ăn thịt là:

**A.** cá bống tượng.

**B.** cá trê.

**C.** cá chép.

**D.** cá trôi.

**Câu 16:** Một số phương thức nuôi thủy sản ở Việt Nam là:

**A.** quảng canh, thâm canh, bán thâm canh.

**B.** chăn thả tự do, công nghiệp, bán công nghiệp.

**C.** chăn thả tự do, thâm canh, bán thâm canh.

**D.** quảng canh, công nghiệp, bán công nghiệp.

**Câu 17.** Trong các phương thức nuôi thủy sản ở Việt Nam hiện nay, phương thức nào thu được năng suất và hiệu quả kinh tế cao nhất?

**A.** Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh

**B.** Nuôi trồng thủy sản quảng canh

**C.** Nuôi trồng thủy sản quảng canh cải tiến

**D.** Nuôi trồng thủy sản thâm canh

**Câu 18.** Em hãy đề xuất phương thức nuôi trồng thủy sản giúp tăng năng suất trong nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam.

**A.** Quảng canh

**B.** Thâm canh.

**C.** Bán thâm canh

**D.** Quảng canh cải tiến

**Câu 19.** Em hãy cho biết vì sao ao nuôi thủy sản thâm canh thường có hàm lượng ammonia cao?

**A.** Sử dụng nhiều thức ăn có hàm lượng dinh dưỡng cao.

**B.** Sử dụng nhiều thức ăn tự nhiên

**C.** Oxygen hòa tan thấp và độ pH thấp

**D.** Độ mặn trong nước cao và độ pH thấp

**Câu 20.** Phương thức sinh sản của hầu hết các loài cá là

**A.** cá đẻ con, thụ tinh ngoài.

**B.** cá đẻ trứng, thụ tinh trong.

**C.** cá đẻ trứng, thụ tinh ngoài.

**D.** cá đẻ con, thụ tinh trong.

**Câu 21.** Thành phần dinh dưỡng của hầu hết các nhóm thức ăn thủy sản là:

**A.** nước, protein, lipid, carbohydrate, vitamin và khoáng chất.

**B.** nước, protein, lipid, khoáng vi lượng, tảo xanh, sinh vật phù du.

**C.** khô dầu đậu tương, ngũ cốc, nước, lipid, khoáng đa lượng, .

**D.** nước, carbohydrate, chất kết dính, chất tạo màu, lipid, vitamin.

**Câu 22.** Cũng giống như nhiều động vật thủy sản khác, tôm thẻ chân trắng sử dụng protein là nguồn năng lượng chính và cần ít nhất 1,8 – 3,8g protein/kg tôm/ngày để duy trì hoạt động. Tôm lớn nhanh nếu được cung cấp đủ protein ở giai đoạn nhỏ và giai đoạn nhỡ. Thực nghiệm nuôi tại Indonexia cho thấy hàm lượng protein của thức ăn từ 35-40% có thể duy trì tốc độ tăng trưởng của tôm. Vậy loại thức ăn phù hợp nhất với tôm thẻ chân trắng giai đoạn nhỏ và nhỡ là:

**A.** Thức ăn công nghiệp

**B.** Sinh vật phù du

**C.** Các loại tảo

**D.** Các loại ngũ cốc

**Câu 23:** Bệnh nào sau đây thường xuất hiện trên cá rô phi ?

**A.** Lòi mắt.

**B.** Gan thận mủ.

**C.** Hoại tử thần kinh.

**D.** Đốm trắng

**Câu 24:** Áp dụng biện pháp nào để duy trì đặc tính tươi sống của sản phẩm thủy sản?

**A.** Ướp muối

**B.** Làm khô

**C.** Làm lạnh

**D.** Xông khói

## II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI (4 ĐIỂM)

**Câu 1:** Cây đước là loài cây rất phổ biến tại Việt Nam, đặc biệt là vùng ngập mặn. Cây phân bố dọc bờ biển các tỉnh từ Quảng Ninh đến Kiên Giang. Không chỉ đước trồng làm rừng phòng hộ mà rừng đước có rất nhiều vai trò khác. Khi nói về vai trò và việc khai thác rừng đước, mỗi nhận định dưới đây là đúng hay sai?

**a)** Rừng đước là hàng rào bảo vệ bờ biển tránh khỏi sự xâm thực mặn, chắn cát, chắn sóng, chắn gió bão.

**b)** Rừng đước là nơi cư trú của nhiều loài thủy sản như: cua, cá, tôm, chim, lưỡng cư, bò sát

**c)** Việc trồng lại rừng đước sau khai thác không quan trọng bằng việc khai thác hợp lý ngay từ đầu.

**d)** Người dân ven biển có thể tự do khai thác rừng đước để làm củi hoặc đồ gia dụng.

**Câu 2.** Đước mệnh danh là Kỳ lân châu Á, Sao la (*Pseudoryx nghetinhensis*) là một trong những loài thú quý hiếm nhất trên thế giới chỉ sinh sống tại vùng rừng núi hẻo lánh thuộc Trung Trường Sơn Việt Nam và Nam Lào. Nạn phá rừng và các bẫy thú là những mối đe dọa nghiêm trọng đối với sao la.

“Sao la tượng trưng cho tất cả những điều quan trọng hiện đang bị đe dọa. Nếu chúng ta có thể cứu Sao la, chúng ta sẽ cứu được cảnh quan rừng, đa dạng sinh học và những lợi ích hệ sinh thái mang lại, ví dụ như nguồn nước ngọt mà chúng ta đang phải phụ thuộc vào chẳng hạn. Do đó, đây không chỉ đơn thuần là bảo vệ một loài động vật trong tình trạng nguy cấp. Đây là cuộc chiến nhằm cứu lấy thiên nhiên, các lợi ích sinh thái, sinh kế cộng đồng và tất cả những gì mà loài Sao la đại diện.” (TS. Văn Ngọc Thịnh, Giám đốc Quốc gia WWF-Việt Nam)



Hình Sao la bị người săn bắt

Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai về bảo vệ tài nguyên rừng?

- a) Loài Sao La đại diện cho sự đa dạng sinh thái và tài nguyên rừng ở nước ta.
- b) Loài Sao La không nằm trong Sách Đỏ của Việt Nam.
- c) Nguyên nhân chính khiến Sao La đứng trên bờ vực tuyệt chủng là do tác động của con người tới môi trường sống của chúng.
- d) Biện pháp để bảo vệ loài Sao La là mở rộng diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và nghiêm cấm các hoạt động săn bắn, vận chuyển, mua bán, sử dụng động, thực vật hoang dã, quý hiếm.

**Câu 3.** Hãy xác định các phát biểu sau đây là đúng hay sai khi nói về môi trường nước nuôi thủy sản.

- a) Màu nước nuôi phù hợp nhất cho các loài thủy sản nước ngọt là màu xanh nhạt (xanh nõn chuối) do sự phát triển của tảo lục.
- b) Giá trị pH của thủy vực thay đổi theo chu kỳ ngày và đêm, vào ban ngày pH giảm xuống còn ban đêm pH tăng lên.
- c) Để tạo điều kiện cho cá con phát triển tốt, trước khi thả cá giống cần phải bón phân cho thủy vực để thực vật phù du phát triển.
- d) Một số ao nuôi cá vào buổi sáng sớm, cá có hiện tượng nổi đầu trên mặt nước, nguyên nhân là do ao thiếu oxygen hòa tan. Để khắc phục tình trạng này cần phải bổ sung thực vật phù du cho ao.

**Câu 4.** Khi nói về ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo quản và chế biến thức ăn thủy sản, các phát biểu sau đây là đúng hay sai?

- a) Các loại thức ăn chăn nuôi thủy sản như: thức ăn hỗn hợp dạng viên, khô đậu nành lên men là các sản phẩm ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất.
- b) Quy trình lên men khô đậu nành làm thức ăn cho thủy sản theo thứ tự các bước như sau:  
 Bước 1: Nhân sinh khối vi sinh vật có lợi  
 Bước 2: Phối trộn  
 Bước 3: Lên men  
 Bước 4: Đánh giá chế phẩm  
 Bước 5: Làm khô và đóng gói.
- c) Để làm tăng hàm lượng protein trong cám gạo người ta dùng nấm men *Saccharomyces cerevisiae* để lên men cám gạo.
- d) Các phụ phẩm của cá tra, cò khô, rom rạ, bã đậu nành ...có thể sử dụng làm nguyên liệu để sản xuất thức ăn thủy sản khi ứng dụng công nghệ sinh học.

- - - Hết----

## ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

### Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn: 6 điểm

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

|        |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|--------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| Câu    | 1  | 2  | 3  | 4  | 5  | 6  | 7  | 8  | 9  | 10 | 11 | 12 |
| Đáp án | C  | C  | A  | C  | B  | C  | C  | A  | A  | B  | B  | C  |
| Câu    | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 |
| Đáp án | A  | A  | A  | A  | D  | B  | A  | C  | A  | A  | A  | C  |

### Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai: 4 điểm

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1 điểm.

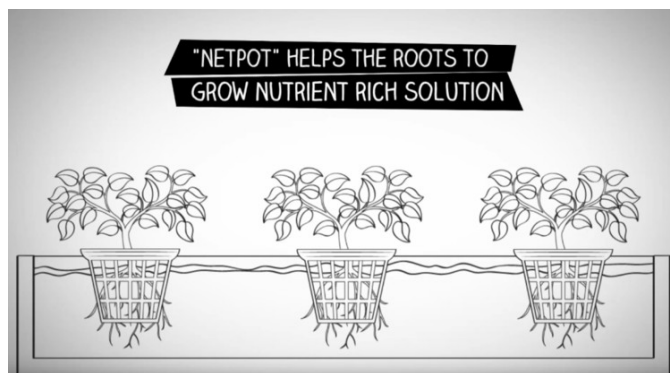
Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,50 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm.

| Ý | Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 |
|---|-------|-------|-------|-------|
| a | Đ     | Đ     | Đ     | S     |
| b | Đ     | S     | S     | Đ     |
| c | S     | Đ     | Đ     | Đ     |
| d | S     | Đ     | S     | Đ     |

**PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án đúng nhất.**

**Câu 1:** Trong hình dưới đây đang mô tả công nghệ



**A.** khí canh.

**B.** thủy canh.

**C.** tưới nước nhỏ giọt.

**D.** tưới nước phun mưa.

**Câu 2:** Nhà kính trồng cây thường có vách và mái làm bằng loại vật liệu nào sau đây?

**A.** Kính hoặc vật liệu tương tự

**B.** Lưới đen hoặc lưới trắng

**C.** Mái lợp tôn, cạnh làm bằng kính

**D.** Mái làm bằng kính, cạnh làm bằng lưới

**Câu 3:** Nội dung nào sau đây **không đúng** về yêu cầu cơ bản đối với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong trồng trọt?

**A.** Có sức khỏe tốt, chăm chỉ, chịu khó và có trách nhiệm trong công việc.

**B.** Có khả năng sử dụng, vận hành các thiết bị, máy móc trong trồng trọt.

**C.** Tuân thủ an toàn lao động, có ý thức bảo vệ môi trường trong trồng trọt.

**D.** Yêu thích các môn học như Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Kinh tế pháp luật.

**Câu 4:** Sử dụng máy cấy lúa, máy sạ lúa tự động là việc ứng dụng cơ giới hóa trong khâu

**A.** làm đất.

**B.** chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh hại.

**C.** thu hoạch.

**D.** gieo trồng.

**Câu 5:** Trong một mô hình chăn nuôi lợn, lợn nái được gắn chip điện tử ở tai, chip này có khả năng ghi nhận các thông tin cơ bản của lợn. Nội dung vừa nêu nói về

**A.** ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi.

**B.** ứng dụng công nghệ sinh học trong chăn nuôi.

**C.** phương thức chăn thả tự do.

**D.** chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP.

**Câu 6:** Sản phẩm nào sau đây được chế biến từ thịt gia súc?

**A.** Xúc xích.

**B.** Cá hộp.

**C.** Mút trái cây.

**D.** Xirô từ quả.

**Câu 7:** Phương pháp ủ thường áp dụng để xử lý loại chất thải chăn nuôi nào?

**A.** Phân của vật nuôi.

**B.** Nước tiểu của vật nuôi.

**C.** Nước tắm cho vật nuôi.

**D.** Nước rửa vệ sinh chuồng.

**Câu 8:** Sử dụng đệm lót vi sinh trong chăn nuôi có tác dụng

**A.** giúp phân hủy phân và nước tiểu, giảm mùi hôi thối, giảm ruồi muỗi.

**B.** tăng cường sức khỏe cho vật nuôi mà không cần thay đổi chế độ ăn uống.

**C.** tăng tốc độ phát triển của vật nuôi nhưng không ảnh hưởng đến môi trường.

**D.** giảm chi phí chăn nuôi nhưng không có tác dụng bảo vệ môi trường.

**Câu 9:** Việc bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn có vai trò nào sau đây?

**A.** Bảo tồn các loài động vật quý hiếm.

**B.** Chống cát bay, chống sự xâm nhập của nước mặn.

**C.** Chắn sóng, chắn gió bảo vệ dân cư ven biển.

**D.** Điều hoà dòng chảy, chống xói mòn rửa trôi.

**Câu 10:** Sản phẩm nào sau đây có nguồn gốc từ lâm nghiệp?

**A.** Sữa chua lên men.

**B.** Giấy vớ học sinh.

**C.** Thịt trâu gác bếp.

**D.** Phân bón vi sinh.

**Câu 11:** Nội dung nào sau đây đúng khi nói về giai đoạn gần thành thực của cây rừng?

**A.** Sức đề kháng của cây yếu, ra hoa, đậu quả yếu.

**B.** Chất lượng lâm sản ổn định, năng suất cao.

**C.** Quá trình sinh trưởng của cây diễn ra mạnh.

**D.** Cây chuẩn bị bước vào thời kì ra hoa, kết quả.

**Câu 12:** Hoạt động nào sau đây có tác dụng ngăn chặn các hành vi làm suy thoái tài nguyên rừng?

**A.** Tổ chức tuyên truyền về vai trò của rừng trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu.

**B.** Trồng cây xanh trên vỉa hè, vườn hoa, quảng trường.

**C.** Lắp đặt các biển báo ở khu vực có nguy cơ cao cháy rừng.

**D.** Tuần tra, giám sát để ngăn chặn hoạt động săn bắt thú rừng trái phép.

**Câu 13:** Trong các phương thức khai thác tài nguyên rừng, khai thác dần là

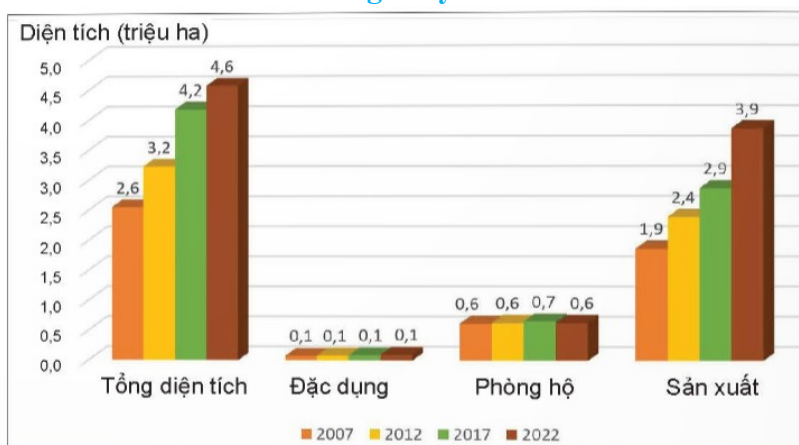
**A.** chặt toàn bộ cây rừng ở một khu vực nhất định trong nhiều mùa khai thác.

**B.** chặt toàn bộ cây rừng ở một khu vực nhất định trong một mùa khai thác.

**C.** chọn chặt những cây đã thành thực.

**D.** chọn chặt những cây già cỗi, cây bị sâu bệnh.

**Câu 14:** Thống kê diện tích ba loại rừng: đặc dụng, phòng hộ, sản xuất ở nước ta giai đoạn 2007–2022, kết quả thu được như hình 6.2 dưới đây. Em hãy lựa chọn biện pháp phát triển rừng bền vững?



Hình 6.2. Diện tích trồng rừng ở nước ta giai đoạn 2007 – 2022

(Nguồn: Tổng cục Lâm nghiệp, năm 2022)

- A. Cần chú trọng tăng diện tích rừng đặc dụng và rừng phòng hộ.
- B. Không cần tăng cường trồng rừng đặc dụng vì diện tích trồng rừng đã hợp lý.
- C. Tiếp tục duy trì diện tích rừng phòng hộ giống như số liệu thể hiện ở biểu đồ trên.
- D. Chỉ cần chú trọng trồng rừng sản xuất để phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ.

**Câu 15.** Hoạt động nào sau đây phù hợp nhất khi nói về vai trò của thủy sản đối với bảo vệ chủ quyền biển đảo và đảm bảo an ninh quốc phòng?

- A. Khai thác thủy sản làm nguyên liệu sản xuất dược, mỹ phẩm.
- B. Khai thác thủy sản phục vụ chế biến và xuất khẩu.
- C. Nuôi trồng thủy sản đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho con người.
- D. Tàu cá treo cờ Tổ quốc khi khai thác thủy sản xa bờ.

**Câu 16.** Loài thủy sản nào sau đây thuộc nhóm động vật giáp xác?

- A. Cá rô phi.
- B. Ba ba.
- C. Tôm sú.
- D. Nghêu trắng Bến Tre.

**Câu 17.** Anh Kha có ao nuôi thủy sản và dự định sẽ nuôi cá trắm cỏ. Tuy nhiên, anh cần sự tư vấn về yếu tố độ mặn ảnh hưởng đến môi trường nuôi cá. Theo em, khi tư vấn cho anh Kha về yếu tố độ mặn thì nội dung nào sau đây **không** đúng?

- A. Mỗi nhóm động vật thủy sản có yêu cầu khác nhau về độ mặn của nước.
- B. Độ mặn không phù hợp sẽ ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của cá.
- C. Độ mặn phù hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của cá là trên 6 ‰.
- D. Quản lý độ mặn thuộc về việc quản lý các yếu tố thủy hóa trong môi trường nuôi thủy sản.

**Câu 18.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng khi nói về vai trò của thực vật thủy sinh trong ao nuôi thủy sản?

- A. Cung cấp oxygen hoà tan cho nước nhờ quá trình quang hợp.
- B. Cung cấp nơi trú ngụ cho động vật thủy sản.
- C. Giúp độ pH của nước được ổn định tốt hơn.
- D. Hấp thụ một số kim loại nặng trong nước.

**Câu 19.** Nước ao nuôi thủy sản ở trường hợp nào sau đây sẽ có hàm lượng khí  $\text{NH}_3$  cao nhất?

- A. Nước ao lấy từ suối tự nhiên có màu sắc nước trong và chất lượng nước sạch.
- B. Ao đã xử lý nước để đảm bảo đạt chất lượng nước trước khi thả giống nuôi thủy sản.
- C. Ao nước ngọt có màu sắc xanh nhạt hoặc ao nước lợ, nước mặn có màu vàng nâu.
- D. Nước có nhiều thức ăn dư thừa và chất thải của các đối tượng thủy sản để tồn đọng.

**Câu 20.** Bạn An là sinh viên mới tốt nghiệp chuyên ngành thủy sản. An muốn về quê xây dựng sự nghiệp liên quan đến chuyên ngành mình được học. Ở quê, gia đình An không sở hữu diện tích đất liền.

Tuy nhiên, nhà An ở ven sông có diện tích mặt nước rộng, nước sông không bị ô nhiễm. Theo em, An nên chọn mô hình công nghệ nuôi thủy sản nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Nuôi trong lồng, bè.
- B. Nuôi trong bể xi măng nhân tạo.
- C. Nuôi thủy sản trong ao.
- D. Nuôi thủy sản trong hồ chứa lớn.

**Câu 21.** Nhược điểm của công nghệ biofloc trong nuôi trồng thủy sản

- A. ngăn chặn sự xâm nhập của mầm bệnh từ nguồn nước vào hệ thống.
- B. chi phí đầu tư ban đầu lớn.
- C. cải thiện an toàn sinh học, nâng cao hiệu quả sử dụng nước.
- D. cải thiện hệ số chuyển đổi thức ăn, nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế.

**Câu 22.** Ý nào sau đây **không đúng** khi nói về kỹ thuật ương nuôi cá giống giai đoạn cá bột lên cá hương?

- A. Cỡ cá thả có chiều dài dao động 1 mm đến 10 mm.
- B. Mật độ ương nuôi cá dao động 100-250 con/m<sup>2</sup>.
- C. Thời vụ thả cá ở miền Nam có thể ương nuôi quanh năm, tập trung vào mùa khô.
- D. Nên thu hoạch cá vào sáng sớm hoặc chiều mát.

**Câu 23.** Nội dung nào sau đây **không phải** của ứng dụng CNSH trong bảo quản thức ăn thủy sản nhằm ức chế sự phát triển vi sinh vật gây hại trong quá trình bảo quản thức ăn?

- A. Sử dụng chế phẩm vi sinh có lợi trong bảo quản thức ăn.
- B. Bổ sung các enzyme có khả năng ức chế VSV gây hại.
- C. Bổ sung các chủng nấm đối kháng với nấm mốc gây hại.
- D. Bổ sung chất phụ gia (chất kháng khuẩn hóa tổng hợp).

**Câu 24.** Nếu người dân nuôi thủy sản muốn sử dụng đậu nành cho đối tượng thủy sản. Đồng thời muốn loại thức ăn này mang lại hiệu quả tốt nhất cho đối tượng nuôi thì người dân nên chọn

- A. cho ăn hạt đậu nành tươi.
- B. cho ăn hạt đậu nành khô.
- C. sử dụng khô đậu nành nguyên chất.
- D. lên men khô đậu nành làm thức ăn.

**PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn Đúng hoặc Sai.**

**Câu 1.** Ở các khu vực miền núi của nước ta, một số người dân vào rừng đốt lửa để khai thác mật ong. Sau đây là một số nhận định:

- a. Mật ong rừng là một loại tài nguyên rừng vì vậy cần được bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi khai thác mật ong của người dân. S
- b. Việc người dân đốt lửa để khai thác mật ong cần được khuyến khích nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế từ khai thác tài nguyên rừng. S
- c. Đốt lửa để khai thác mật ong có thể dẫn đến suy thoái tài nguyên rừng nên cần phải nghiêm cấm. Đ
- d. Người dân được phép khai thác mật ong rừng nhưng phải sử dụng biện pháp hợp lý để không ảnh hưởng đến đàn ong và các tài nguyên rừng khác. Đ

**Câu 2:** Một nhóm học sinh được giao nhiệm vụ tìm hiểu và thuyết trình về các biện pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Sau đây là một số ý kiến của học sinh trong nhóm

- a) Khai thác thủy sản với ngư cụ phù hợp, đúng qui định. (ĐÚNG)
- b) Thiết lập các khu bảo tồn biển để bảo vệ sự đa dạng sinh học các loài thủy sản. (ĐÚNG)
- c) Cấm thả giống các loài thủy sản bản địa, đặc hữu vào nguồn nước tự nhiên. (SAI)
- d) Tái tạo nơi trú ngụ của nhiều loài thủy sản thông qua việc trồng rừng ngập mặn, nuôi cây san hô, thả chà nhân tạo. (ĐÚNG)

**Câu 3:** Các bạn Phúc, An và Lộc đều có chung sở thích về nghiên cứu môi trường nuôi thủy sản. Nhân dịp nghỉ hè, các bạn đã cùng nhau tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường nuôi thủy sản tại một số địa phương ở Đồng bằng sông Cửu Long. Sau đây là những nhận định của nhóm:

- a) Nguồn nước khác nhau sẽ mang những đặc điểm thủy lí, thủy hóa, thủy sinh khác nhau. **Đ**
- b) Việc lưu động của nước giúp hệ sinh thái nuôi thủy sản được duy trì ở trạng thái mở với môi trường bên ngoài, tuy nhiên do nước lưu động nên thủy sản nuôi sẽ chậm lớn. **S**
- c) Thổ nhưỡng tại các địa phương được quan sát có ảnh hưởng trực tiếp và thường xuyên tới môi trường nuôi thủy sản. **Đ**
- d) Trong quá trình nuôi thủy sản, việc quản lí thức ăn và xử lí các chất thải trong ao nuôi là việc làm không cần thiết. **S**

**Câu 4.** Phòng, chống dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản có ý nghĩa quan trọng, giảm thiểu được thiệt hại cho người nuôi. Trong các giải pháp để hạn chế các bệnh thủy sản thì việc phòng bệnh quan trọng hơn chữa bệnh.

Qua thông tin trên, các nhận định sau đây đúng hay sai về phòng, trị bệnh thủy sản?

- A. Cần cho cá ăn thức ăn đầy đủ dinh dưỡng để tăng cường sức đề kháng. **Đ**
- B. Cần sử dụng hóa chất để khử trùng ao nuôi thủy sản trước khi thả giống. **Đ**
- C. Sử dụng kháng sinh để phòng, trị bệnh cho cá là biện pháp hiệu quả và nhanh chóng. **S**
- D. Dùng thuốc phòng ngừa cho thủy sản trước khi dịch bệnh phát triển. **Đ**

----- HẾT -----

### HƯỚNG DẪN CHẤM

#### PHẦN I/. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN (6,0 ĐIỂM)

\* Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm.

| Câu | 1 B | 2 A | 3 D | 4 D  | 5 A | 6 A | 7 A | 8 A | 9D   | 10 B | 11 C | 12 D |
|-----|-----|-----|-----|------|-----|-----|-----|-----|------|------|------|------|
| Câu | 13A | 14A | 15D | 16 C | 17C | 18C | 19D | 20A | 21 B | 22 C | 23 D | 24 D |

#### PHẦN II/. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI (4,0 ĐIỂM)

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1 điểm.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm.
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1 điểm.

| Câu | Lệnh hỏi | Đáp án | Câu | Lệnh hỏi | Đáp án |
|-----|----------|--------|-----|----------|--------|
| 1   | a)       | S      | 2   | a)       | Đ      |
|     | b)       | S      |     | b)       | Đ      |
|     | c)       | Đ      |     | c)       | S      |

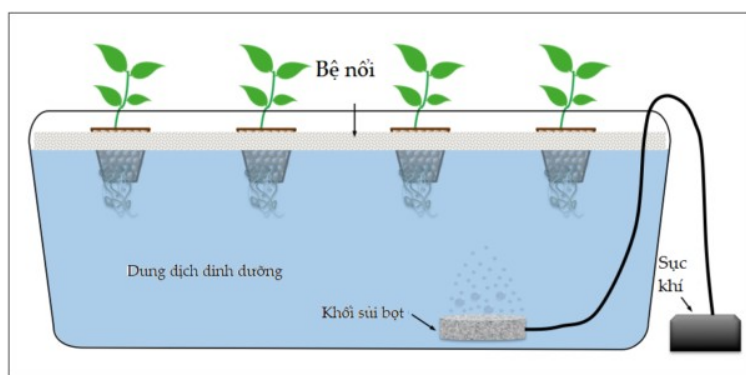
|   |    |   |   |    |   |
|---|----|---|---|----|---|
|   | d) | Đ |   | d) | Đ |
| 3 | a) | Đ | 4 | a) | Đ |
|   | b) | S |   | b) | Đ |
|   | c) | Đ |   | c) | S |
|   | d) | S |   | d) | Đ |

**PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA**  
**ĐỀ 3**

**ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025**  
**MÔN: CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP**  
**Thời gian: 50 phút**

**PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án đúng nhất.**

**Câu 1:** Hình dưới đây đang mô tả về công nghệ nào trong trồng trọt?



- A. Khí canh.
- B. Thủy canh.
- C. Tưới nước nhỏ giọt.
- D. Tưới nước phun mưa.

**Câu 2:** Trồng trọt công nghệ cao được hiểu là

- A. sử dụng hoàn toàn lao động thủ công trong quá trình sản xuất nông nghiệp.
- B. ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sản xuất.
- C. chỉ trồng các giống cây cao sản hoặc giống biến đổi gene có năng suất cao.
- D. cây trồng hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi biến đổi môi trường khí hậu.

**Câu 3:** Đáp án nào sau đây KHÔNG phải là yếu tố chính trong trồng trọt?

- a. Giống cây trồng.
- b. Nước và độ ẩm.
- c. Dinh dưỡng.
- d. Thuốc trừ sâu, bệnh.

**Câu 4:** Nội dung nào sau đây **không đúng** khi nói về cơ giới hóa trong trồng trọt?

- A. Cơ giới hóa giúp giải phóng sức lao động của con người.
- B. Cơ giới hóa giúp nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.
- C. Cơ giới hóa trong trồng trọt có chi phí đầu tư ban đầu thấp.
- D. Có thể áp dụng cơ giới hóa ở nhiều khâu trong quá trình trong trồng trọt.

**Câu 5:** Mục đích chủ yếu khi cho gà đẻ trứng ăn các loại thức ăn có chứa nhiều calcium như bột vỏ sò, bột vỏ hến nung, bột xương nghiền nhỏ là để

- A. giúp gà đẻ rất nhiều trứng.
- B. tạo chất lượng vỏ trứng.
- C. tăng cường hệ miễn dịch.
- D. tăng phát triển cơ thịt.

**Câu 6.** Tại sao nền chuồng nuôi yêu cầu có độ dốc vừa phải?

**A.** Tạo điều kiện giúp dễ thoát nước và chất thải.

**B.** Tạo sân chơi hấp dẫn cho vật nuôi.

**C.** Tránh vấn đề vật nuôi nằm trực tiếp trên sàn.

**D.** Giúp thiết kế lắp đặt máng ăn dễ và thuận tiện hơn.

**Câu 7:** Trường hợp nào sau đây có sử dụng chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải chăn nuôi?

**A.** Ủ phân compost.

**B.** Dùng máy ép tách phân.

**C.** Xử lý nhiệt.

**D.** Sử dụng vôi bột khử trùng.

**Câu 8:** Sử dụng đệm lót vi sinh trong chăn nuôi có tác dụng

**A.** giúp phân hủy phân và nước tiểu, giảm mùi hôi thối, giảm ruồi muỗi.

**B.** tăng cường sức khỏe cho vật nuôi mà không cần thay đổi chế độ ăn uống.

**C.** tăng tốc độ phát triển của vật nuôi nhưng không ảnh hưởng đến môi trường.

**D.** giảm chi phí chăn nuôi nhưng không có tác dụng bảo vệ môi trường.

**Câu 9.** Nội dung nào sau đây **không** đúng khi nói về đặc trưng cơ bản của sản xuất lâm nghiệp?

(a3.1-B)

**A.** Đối tượng là các cơ thể sống, có chu kì sinh trưởng dài.

**B.** Địa bàn rộng lớn, khó khăn về giao thông và cơ sở vật chất.

**C.** Có tính thời vụ cao, thường tập trung vào các tháng cuối năm.

**D.** Ngành sản xuất đa dạng sản phẩm và có nhiều lợi ích đặc thù.

**Câu 10.** Hoạt động quản lí rừng **không** bao gồm hoạt động

(a3.1-B)

**A.** giao rừng, cho thuê rừng.

**B.** phòng chống cháy rừng.

**C.** chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

**D.** thu hồi rừng vì mục đích quốc phòng, an ninh.

**Câu 11.** Nội dung nào sau đây là những hoạt động chăm sóc rừng?

(a3.1-b)

**A.** Làm cỏ, chặt bỏ cây dại, tỉa cành, bón phân, tưới nước.

**B.** Làm cỏ, bón phân lót, phòng trừ sâu hại, phòng chống cháy rừng, tưới nước.

**C.** Làm cỏ, chặt bỏ cây dại, bón phân, tưới nước, khai thác rừng trồng.

**D.** Làm cỏ, làm hàng rào bảo vệ, tỉa cành, bón lót, tưới nước.

**Câu 12:** Bảo vệ tài nguyên rừng có ý nghĩa nào sau đây?

(a3.1-B)

**A.** Nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên rừng.

**B.** Phủ xanh đất trống, đồi núi trọc.

**C.** Bảo tồn nguồn gene động vật, thực vật quý hiếm.

**D.** Cung cấp lâm sản cho nhu cầu của con người.

**Câu 13:** Dựa vào hình ảnh poster của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum; em hãy cho biết Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đang sử dụng biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng nào sau đây?

(b3.1-H)

# Vì một Việt Nam Xanh

Hãy đồng hành cùng chính sách  
Chi trả dịch vụ môi trường rừng



- A. Tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ rừng.
- B. Bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên.
- C. Phòng cháy, chữa cháy rừng.
- D. Ngăn chặn các hành vi gây suy thoái tài nguyên rừng.

**Câu 14.** Ở một số khu vực miền núi nước ta, người dân thường vào rừng thu hái dược liệu quý trái phép bán cho thương lái. Cần áp dụng biện pháp nào sau đây để hạn chế thực trạng này? [c3.1] VD

- A. Xây dựng các khu bảo tồn nguồn dược liệu quý tại địa phương.
- B. Có chính sách ổn định và cải thiện đời sống nhân dân miền núi.
- C. Khuyến khích người dân trồng loại cây rừng thay thế ở những khu vực đã khai thác.
- D. Tổ chức thu mua nguồn dược quý phục vụ cho ngành công nghiệp dược.
  - NL: Sử dụng công nghệ
  - Cấp độ tư duy: Vận dụng
  - Chủ đề: Một số biện pháp bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng

Mạch nội dung: Bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng

**Câu 15.** Nuôi trồng thủy sản quảng canh có đặc điểm nào sau đây?

- A. Dưa hoàn toàn vào nguồn thức ăn và con giống trong tự nhiên.
- B. Được cung cấp giống nhân tạo, thức ăn công nghiệp.
- C. Năng suất và hiệu quả nuôi trồng thủy sản cao.
- D. Dễ vận hành, dễ quản lý sản xuất.

**Câu 16.** Hoạt động nào sau đây phù hợp nhất khi nói về vai trò của thủy sản đối với bảo vệ chủ quyền biển đảo và đảm bảo an ninh quốc phòng? HIỂU

- A. Khai thác thủy sản làm nguyên liệu sản xuất dược, mỹ phẩm.
- B. Khai thác thủy sản phục vụ chế biến và xuất khẩu.
- C. Nuôi trồng thủy sản đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho con người.
- D. Tàu cá treo cờ Tổ quốc khi khai thác thủy sản xa bờ.

**Câu 17.** Anh Kha có ao nuôi thủy sản và dự định sẽ nuôi cá trắm cỏ. Tuy nhiên, anh cần sự tư vấn về yếu tố độ mặn ảnh hưởng đến môi trường nuôi cá. Theo em, khi tư vấn cho anh Kha về yếu tố độ mặn thì nội dung nào sau đây **không** đúng?

- A. Mỗi nhóm động vật thủy sản có yêu cầu khác nhau về độ mặn của nước.
- B. Độ mặn không phù hợp sẽ ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của cá.
- C. Độ mặn phù hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của cá là trên 6 ‰.
- D. Quản lý độ mặn thuộc về việc quản lý các yếu tố thủy hóa trong môi trường nuôi thủy sản.

**Câu 18.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng khi nói về vai trò của thực vật thủy sinh trong ao nuôi thủy sản?

**A.** Cung cấp oxygen hoà tan cho nước nhờ quá trình quang hợp.

**B.** Cung cấp nơi trú ngụ cho động vật thủy sản.

**C.** Giúp độ pH của nước được ổn định tốt hơn.

**D.** Hấp thụ một số kim loại nặng trong nước.

**Câu 19.** Nước ao nuôi thủy sản ở trường hợp nào sau đây sẽ có hàm lượng khí  $\text{NH}_3$  cao nhất?

**A.** Nước ao lấy từ suối tự nhiên có màu sắc nước trong và chất lượng nước sạch.

**B.** Ao đã xử lí nước để đảm bảo đạt chất lượng nước trước khi thả giống nuôi thủy sản.

**C.** Ao nước ngọt có màu sắc xanh nhạt hoặc ao nước lợ, nước mặn có màu vàng nâu.

**D.** Nước có nhiều thức ăn dư thừa và chất thải của các đối tượng thủy sản để tồn đọng.

**Câu 20.** Bạn An là sinh viên mới tốt nghiệp chuyên ngành thủy sản. An muốn về quê xây dựng sự nghiệp liên quan đến chuyên ngành mình được học. Ở quê, gia đình An không sở hữu diện tích đất liền. Tuy nhiên, nhà An ở ven sông có diện tích mặt nước rộng, nước sông không bị ô nhiễm. Theo em, An nên chọn mô hình công nghệ nuôi thủy sản nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Nuôi trong lồng, bè.

**B.** Nuôi trong bể xi măng nhân tạo.

**C.** Nuôi thủy sản trong ao.

**D.** Nuôi thủy sản trong hồ chứa lớn.

**Câu 21.** Nhược điểm của công nghệ biofloc trong nuôi trồng thủy sản

**A.** ngăn chặn sự xâm nhập của mầm bệnh từ nguồn nước vào hệ thống.

**B.** chi phí đầu tư ban đầu lớn.

**C.** cải thiện an toàn sinh học, nâng cao hiệu quả sử dụng nước.

**D.** cải thiện hệ số chuyển đổi thức ăn, nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế.

**Câu 22.** Ý nào sau đây **không đúng** khi nói về kĩ thuật ương nuôi cá giống giai đoạn cá bột lên cá hương?

**A.** Cỡ cá thả có chiều dài dao động 1 mm đến 10 mm.

**B.** Mật độ ương nuôi cá dao động 100-250 con/m<sup>2</sup>.

**C.** Thời vụ thả cá ở miền Nam có thể ương nuôi quanh năm, tập trung vào mùa khô.

**D.** Nên thu hoạch cá vào sáng sớm hoặc chiều mát.

**Câu 23.** Nội dung nào sau đây **không phải** của ứng dụng CNSH trong bảo quản thức ăn thủy sản nhằm ức chế sự phát triển vi sinh vật gây hại trong quá trình bảo quản thức ăn?

**A.** Sử dụng chế phẩm vi sinh có lợi trong bảo quản thức ăn.

**B.** Bổ sung các enzyme có khả năng ức chế VSV gây hại .

**C.** Bổ sung các chủng nấm đối kháng với nấm mốc gây hại.

**D.** Bổ sung chất phụ gia (chất kháng khuẩn hóa tổng hợp).

**Câu 24.** Nếu người dân nuôi thủy sản muốn sử dụng đậu nành cho đối tượng thủy sản. Đồng thời muốn loại thức ăn này mang lại hiệu quả tốt nhất cho đối tượng nuôi thì người dân nên chọn

**A.** cho ăn hạt đậu nành tươi.

**B.** cho ăn hạt đậu nành khô.

**C.** sử dụng khô đậu nành nguyên chất.

**D.** lên men khô đậu nành làm thức ăn.

**PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn Đúng hoặc Sai.**

**Câu 1.** An và Bảo biết nấm hương là đặc sản quý của rừng Võ Nhai thuộc vùng núi Thái Nguyên. Nhân dịp về quê nội sống gần khu rừng này, hai bạn đã theo người dân nơi đây vào rừng tìm nấm. An chỉ hái nấm vừa đủ nhu cầu ăn của gia đình, những nấm nỡ to bạn không hái và tránh làm ảnh hưởng đến môi trường sống của nấm. Bảo do lần đầu được đi hái và rất thích ăn nấm nên bạn hái hết những nấm đã nhìn thấy kể cả nấm nỡ to hoặc sắp tàn; mặc dù Bảo biết những cái nấm đó khi đem về nhà có thể không sử dụng được.

Em hãy cho biết mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai về tình huống này?

- a. Hành động của bạn An khi hái nấm là biểu hiện của việc bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng bền vững. **Đ**
- b. Việc hái nấm giống như bạn Bảo góp phần thúc đẩy hoạt động khai thác tài nguyên rừng bền vững. **S**
- c. Cần tuyên truyền, phổ biến cho người dân để nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ tài nguyên rừng. **Đ**
- d. Cần áp dụng các biện pháp, kỹ thuật khai thác phù hợp để đảm bảo hài hòa giữa lợi ích kinh tế với lợi ích bảo vệ môi trường và bảo tồn tài nguyên rừng. **Đ**

**Câu 2:** Một nhóm học sinh được giao nhiệm vụ tìm hiểu và thuyết trình về các biện pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Sau đây là một số ý kiến của học sinh trong nhóm

- a) Khai thác thủy sản với ngư cụ phù hợp, đúng qui định. (**ĐÚNG**)
- b) Thiết lập các khu bảo tồn biển để bảo vệ sự đa dạng sinh học các loài thủy sản. (**ĐÚNG**)
- c) Cấm thả giống các loài thủy sản bản địa, đặc hữu vào nguồn nước tự nhiên. (**SAI**)
- d) Tái tạo nơi trú ngụ của nhiều loài thủy sản thông qua việc trồng rừng ngập mặn, nuôi cấy san hô, thả chà nhân tạo. (**ĐÚNG**)

**Câu 3:** Các bạn Phúc, An và Lộc đều có chung sở thích về nghiên cứu môi trường nuôi thủy sản. Nhân dịp nghỉ hè, các bạn đã cùng nhau tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường nuôi thủy sản tại một số địa phương ở Đồng bằng sông Cửu Long. Sau đây là những nhận định của nhóm:

- a) Nguồn nước khác nhau sẽ mang những đặc điểm thủy lí, thủy hóa, thủy sinh khác nhau. **Đ**
- b) Việc lưu động của nước giúp hệ sinh thái nuôi thủy sản được duy trì ở trạng thái mở với môi trường bên ngoài, tuy nhiên do nước lưu động nên thủy sản nuôi sẽ chậm lớn. **S**
- c) Thổ nhưỡng tại các địa phương được quan sát có ảnh hưởng trực tiếp và thường xuyên tới môi trường nuôi thủy sản. **Đ**
- d) Trong quá trình nuôi thủy sản, việc quản lí thức ăn và xử lí các chất thải trong ao nuôi là việc làm không cần thiết. **S**

**Câu 4.** Phòng, chống dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản có ý nghĩa quan trọng, giảm thiểu được thiệt hại cho người nuôi. Trong các giải pháp đề hạn chế các bệnh thủy sản thì việc phòng bệnh quan trọng hơn chữa bệnh.

Qua thông tin trên, các nhận định sau đây đúng hay sai về phòng, trị bệnh thủy sản?

- A.** Cần cho cá ăn thức ăn đầy đủ dinh dưỡng để tăng cường sức đề kháng. **Đ**
- B.** Cần sử dụng hóa chất để khử trùng ao nuôi thủy sản trước khi thả giống. **Đ**
- C.** Sử dụng kháng sinh để phòng, trị bệnh cho cá là biện pháp hiệu quả và nhanh chóng. **S**
- D.** Dùng thuốc phòng ngừa cho thủy sản trước khi dịch bệnh phát triển. **Đ**

----- HẾT -----

**PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA**  
**ĐỀ 4**

**ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025**  
**MÔN: CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP**  
**Thời gian: 50 phút**

**PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**

**Câu 1.** Đảm bảo an ninh lương thực là vai trò của ngành sản xuất nào sau đây?

- A.** Chăn nuôi.
- B.** Trồng trọt.
- C.** Lâm nghiệp.
- D.** Thủy sản.

**Câu 2.** Trồng trọt trong nhà kính có ưu điểm nào sau đây?

- A.** Cây trồng không cần phải chăm sóc.
- B.** Chi phí đầu tư thấp, hiệu quả kinh tế cao.
- C.** Kiểm soát được sâu, bệnh hại giúp bảo vệ cây trồng.
- D.** Rút ngắn được thời gian sinh trưởng, phát triển của cây trồng.

**Câu 3.** Biện pháp nào sau đây giúp hạn chế ô nhiễm môi trường trong trồng trọt?

- A.** Tăng cường sử dụng phân bón hoá học.
- B.** Ưu tiên sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hoá học để phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng.
- C.** Đốt rơm, rạ để làm phân bón cho cây trồng.
- D.** Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học thay thế dần thuốc bảo vệ thực vật hoá học.

**Câu 4.** Vì sao trồng trọt lại có vai trò thúc đẩy sự phát triển của chăn nuôi?

- A.** Chăn nuôi cung cấp phân bón cho trồng trọt.
- B.** Phần lớn thức ăn dùng cho chăn nuôi là sản phẩm của trồng trọt.
- C.** Chăn nuôi cung cấp sức kéo cho trồng trọt.
- D.** Trồng trọt cung cấp nguyên liệu để xây dựng chuồng trại chăn nuôi.

**Câu 5.** Phát biểu nào sau đây là sai khi nói về vai trò của chăn nuôi?

- A.** Cung cấp nguồn thực phẩm giàu protein cho con người.
- B.** Cung cấp sức kéo và phân bón cho trồng trọt.
- C.** Cung cấp lương thực cho tiêu dùng và xuất khẩu.
- D.** Cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến sữa.

**Câu 6.** Nội dung nào sau đây đúng khi nói về thành tựu của ứng dụng công nghệ cao trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi?

- A.** Công nghệ cấy truyền phôi.
- B.** Công nghệ thụ tinh nhân tạo.
- C.** Công nghệ Biogas.
- D.** Công nghệ tắm chải tự động cho bò.

**Câu 7.** Vật nuôi nào sau đây thuộc nhóm gia cầm?

- A.** Trâu, bò.
- B.** Lợn, cừu.
- C.** Gà, vịt.
- D.** Dê, thỏ.

**Câu 8.** Nội dung nào sau đây có tác dụng phòng bệnh cho vật nuôi?

- A.** Bổ sung kháng sinh vào thức ăn cho vật nuôi.
- B.** Cho vật nuôi ăn thức ăn giàu tinh bột.
- C.** Tăng khẩu phần ăn cho vật nuôi.
- D.** Định kì khử trùng chuồng trại và khu vực chăn nuôi.

**Câu 9.** Phát biểu nào sau đây đúng về vai trò của lâm nghiệp?

- A.** Cung cấp lương thực con người.
- B.** Cung cấp nguồn nguyên liệu làm thức ăn cho chăn nuôi.
- C.** Cung cấp nguyên liệu cho nhà máy sản xuất giấy.
- D.** Cung cấp nơi chăn thả để phát triển chăn nuôi.

**Câu 10.** Nội dung nào sau đây đúng khi nói về đặc trưng cơ bản của sản xuất lâm nghiệp?

- A. Địa bàn tập trung, thuận lợi về giao thông và cơ sở vật chất.
- B. Đối tượng là các cơ thể sống, có chu kì sinh trưởng ngắn.
- C. Dễ dàng áp dụng các công nghệ và khoa học kĩ thuật tiên tiến để nâng cao hiệu quả sản xuất.
- D. Đối tượng là các cơ thể sống, có chu kì sinh trưởng dài.

**Câu 11.** Việc bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ khu đô thị và khu công nghiệp nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây:

- A. Bảo tồn các loài động, thực vật quý hiếm.
- B. Cung cấp gỗ cho nhu cầu của con người.
- C. Làm sạch không khí, tạo môi trường sống trong lành cho con người.
- D. Chắn sóng, chắn gió, giữ ổn định nguồn nước.

**Câu 12.** Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về ứng dụng công nghệ sinh học trong thủy sản?

- A. Ứng dụng chỉ thị phân tử để nâng cao sức đề kháng cho động vật thủy sản.
- B. Sử dụng chế phẩm vi sinh để chẩn đoán, phát hiện sớm bệnh trên thủy sản.
- C. Sử dụng chế phẩm vi sinh để phòng, trị bệnh cho thủy sản thủy sản.
- D. Ứng dụng chỉ thị phân tử để xử lí môi trường nuôi thủy sản.

**Câu 13.** Hoạt động nào sau đây làm suy thoái nguồn lợi thủy sản?

- A. Khai thác thủy sản xa bờ.
- B. Khai thác thủy sản trong mùa sinh sản.
- C. Thả các loài thủy sản quý, hiếm vào một số nội thủy, vũng và vịnh ven biển.
- D. Thiết lập các khu bảo tồn biển.

**Câu 14.** Hoạt động nào sau đây có tác dụng bảo tồn các loài động vật, thực vật rừng hoang dã quý hiếm?

- A. Khai thác các loài động vật, thực vật rừng hoang dã quý hiếm để phát triển kinh tế.
- B. Khuyến khích nuôi các loài động vật quý hiếm để làm cảnh.
- C. Xây dựng các khu bảo tồn, vườn quốc gia.
- D. Nghiên cứu sử dụng các loài động vật, thực vật quý hiếm để làm thuốc.

**Câu 15.** Phát biểu nào sau đây đúng về nuôi thủy sản quảng canh?

- A. Hiệu quả kinh tế cao do không phải đầu tư về con giống và thức ăn.
- B. Chi phí đầu tư thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.
- C. Hiệu quả kinh tế thấp do cần đầu tư trang thiết bị hiện đại.
- D. Chất lượng sản phẩm thấp do không được hỗ trợ các trang thiết bị hiện đại.

**Câu 16.** Một trong những nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nước nuôi thủy sản là

- A. cho thủy sản ăn quá nhiều thức ăn.
- B. bổ sung chế phẩm vi sinh vào thức ăn thủy sản.
- C. mật độ nuôi thủy sản quá thưa.
- D. sử dụng máy khuấy để tạo oxygen.

**Câu 17.** Trong nuôi thủy sản quảng canh, sinh vật phù du có vai trò nào sau đây?

- A. Tăng cường sức đề kháng cho động vật thủy sản.
- B. Quyết định nhiệt độ nước ao nuôi thủy sản.
- C. Là nguồn thức ăn chính cho các loài thủy sản.

**D.** Phân hủy thức ăn thừa, làm ổn định nguồn nước trong ao nuôi thủy sản.

**Câu 18.** Hoạt động nào sau đây có tác dụng bảo vệ tài nguyên rừng?

**A.** Trồng cây công nghiệp đặc sản trong diện tích rừng để nâng cao hiệu quả kinh tế.

**B.** Trồng cây xanh ở khu vực đô thị và nông thôn.

**C.** Chăn thả đại gia súc ở khu vực rừng mới trồng.

**D.** Khai thác thực vật quý hiếm phục vụ chữa bệnh và nâng cao sức khỏe.

**Câu 19.** Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về thực vật thủy sinh trong ao nuôi thủy sản?

**A.** Giúp ổn định độ pH nước ao nuôi thủy sản.

**B.** Là nơi trú ngụ cho động vật thủy sản.

**C.** Cạnh tranh oxygen hoà tan với động vật thủy sản.

**D.** Sản sinh ra một số kim loại nặng làm giảm ô nhiễm nguồn nước.

**Câu 20.** Trong quản lí, chăm sóc cá rô phi, nhận định nào sau đây chưa chính xác?

**A.** Định kì khử trùng nước ao nuôi bằng hoá chất thích hợp.

**B.** Thường xuyên kiểm tra lượng thức ăn thừa để có biện pháp điều chỉnh phù hợp.

**C.** Lựa chọn loại thức ăn phù hợp với độ tuổi của cá theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

**D.** Cần cho cá ăn thống nhất một loại thức ăn trong suốt quá trình nuôi.

**Câu 21.** Khi phát hiện cá nuôi bị bệnh, biện pháp xử nào sau đây không đúng?

**A.** Cho cá ăn thức ăn có bổ sung vitamin C để tăng sức đề kháng cho cá.

**B.** Tăng lượng thức ăn hàng ngày để giúp cá chống lại tác nhân gây bệnh.

**C.** Vớt bỏ cá chết và xử lí theo quy định.

**D.** Khử trùng nguồn nước ao nuôi bằng hoá chất thích hợp.

**Câu 22.** Nhận định nào sau đây đúng khi nói về tuổi thành thực sinh dục của cá?

**A.** Cá đực luôn có tuổi thành thực sinh dục lớn hơn cá cái.

**B.** Hầu hết các loài cá đều có tuổi thành thực sinh dục giống nhau.

**C.** Cá cái luôn có tuổi thành thực sinh dục lớn hơn cá đực.

**D.** Cá được nuôi dưỡng tốt, nuôi trong vùng nước ấm có thể thành thực sinh dục sớm hơn.

**Câu 23.** Nội dung nào sau đây đúng khi nói về vai trò của phòng, trị bệnh thủy sản đối với sức khỏe con người?

**A.** Cung cấp cho người nguồn thủy sản có lợi cho sức khỏe.

**B.** Hạn chế lây truyền một số bệnh từ thủy sản sang người.

**C.** Hạn chế tồn dư hoá chất trong môi trường nước.

**D.** Giảm thiểu sự tiếp xúc của hoá chất độc hại đối với người nuôi.

**Câu 24.** Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về mùa sinh sản của tôm thẻ chân trắng trong tự nhiên

**A.** Từ tháng 1 đến tháng 3 hằng năm.

**B.** Từ tháng 4 đến tháng 8 hằng năm.

**C.** Từ tháng 9 đến tháng 12 hằng năm.

**D.** Từ tháng 12 năm trước đến tháng 4 năm sau.

**Phần II (4 điểm). Câu trắc nghiệm đúng sai**

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Theo số liệu thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, diện tích rừng bị thiệt hại ở nước ta trong giai đoạn từ năm 2011 đến 2020 khoảng hơn 22 800 ha, năm 2021 khoảng 1 229 ha và năm 2022 có hơn 1 100 ha rừng bị thiệt hại. Sau đây là một số nhận định:

- a) Diện tích rừng bị thiệt hại ở nước ta giai đoạn 2011 – 2022 có xu hướng ngày càng giảm. [ĐÚNG]
- b) Trong giai đoạn 2011 đến 2020, diện tích rừng bị thiệt hại ở nước ta trung bình cao gấp hơn 2 lần so với năm 2022. [ĐÚNG]
- c) So với năm 2010, đến hết năm 2022 diện tích rừng của nước ta bị suy giảm khoảng 25129ha. [SAI]
- d) Để diện tích rừng bị thiệt hại ngày càng giảm, cần tăng cường công tác trồng và chăm sóc rừng kết hợp với trồng cây phân tán ở khu vực thành thị và nông thôn. [SAI]

**Câu 2.** Ở các khu vực miền núi nước ta, một số người dân thường tự ý vào rừng tự nhiên khai thác gỗ về sử dụng hoặc bán lấy tiền. Sau đây là một số nhận định:

- a) Người dân tự ý vào rừng tự nhiên khai thác gỗ là một trong những nguyên nhân làm suy thoái tài nguyên rừng. [ĐÚNG]
- b) Để ngăn chặn tình trạng người dân tự ý vào rừng tự nhiên khai thác gỗ, cần giao rừng cho người dân quản lý và khai thác. [SAI]
- c) Người dân tự ý vào rừng tự nhiên khai thác gỗ là hành động khai thác trái phép, vi phạm quy định về luật bảo vệ tài nguyên rừng. [ĐÚNG]
- d) Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền ý thức bảo vệ rừng cho người dân; đồng thời tăng cường công tác tuần tra, giám sát để ngăn chặn tình trạng người dân tự ý vào rừng khai thác gỗ. [ĐÚNG]

**Câu 3.** Một nhóm học sinh được yêu cầu tìm hiểu và đề xuất một số việc nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thủy sản, góp phần phát triển thủy sản bền vững. Sau khi tìm hiểu đã đưa ra một số nhận định như sau:

- a) Thức ăn thừa, chất thải của động vật thủy sản không phải là nguyên nhân gây ô nhiễm nước ao nuôi thủy sản. [SAI]
- b) Định kỳ xử lý nước ao nuôi thủy sản bằng chế phẩm vi sinh để tiêu diệt mầm bệnh và tạo môi trường thuận lợi cho thủy sản sinh trưởng, phát triển. [ĐÚNG]
- c) Nước sau khi nuôi thủy sản cần được xử lý mầm bệnh và chất gây ô nhiễm trước khi xả ra môi trường để hạn chế lây lan nguồn bệnh và bảo vệ môi trường. [ĐÚNG]
- d) Ưu tiên áp dụng các công nghệ tiên tiến trong nuôi trồng thủy sản để nâng cao hiệu quả kinh tế và hạn chế ô nhiễm môi trường. [ĐÚNG]

**Câu 4.** Một nhóm học sinh được giao nhiệm vụ tìm hiểu về bệnh lồi mắt ở cá rô phi và biện pháp phòng, trị bệnh. Sau khi tìm hiểu, nhóm học sinh đã đưa ra một số nhận định như sau:

- a) Tác nhân gây bệnh lồi mắt ở cá rô phi là liên cầu khuẩn *Streptococcus agalactiae*. [ĐÚNG]
- b) Biểu hiện đầu tiên khi cá bị bệnh là lồi mắt và xuất huyết mắt. [SAI]
- c) Tiêm vaccine là biện pháp phòng bệnh hiệu quả nhất cho cá. [SAI]
- d) Khi cá bị bệnh, tiến hành khử trùng nước ao nuôi kết hợp bổ sung thuốc diệt vi khuẩn và vitamin C vào thức ăn cho cá ăn từ 5 đến 7 ngày. [ĐÚNG]

---HẾT---

## ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

**Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24.  
 Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án. *(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm).*

| Câu hỏi | 1  | 2  | 3  | 4  | 5  | 6  | 7  | 8  | 9  | 10 |
|---------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| Đáp án  | B  | C  | D  | B  | C  | D  | C  | D  | C  | D  |
| Câu hỏi | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| Đáp án  | C  | C  | B  | C  | B  | A  | C  | B  | B  | D  |
| Câu hỏi | 21 | 22 | 23 | 24 |    |    |    |    |    |    |
| Đáp án  | B  | D  | B  | D  |    |    |    |    |    |    |

**Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1 điểm.

Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm.

| Câu hỏi  | Lệnh hỏi | Đáp án (Đ-S) | Câu hỏi  | Lệnh hỏi | Đáp án (Đ-S) |
|----------|----------|--------------|----------|----------|--------------|
| <b>1</b> | a        | Đ            | <b>3</b> | a        | S            |
|          | b        | Đ            |          | b        | Đ            |
|          | c        | S            |          | c        | Đ            |
|          | d        | S            |          | d        | Đ            |
| <b>2</b> | a        | Đ            | <b>4</b> | a        | Đ            |
|          | b        | S            |          | b        | S            |
|          | c        | Đ            |          | c        | S            |
|          | d        | Đ            |          | d        | Đ            |

**I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN ( 6 ĐIỂM)**

**Câu 1:** Dựa vào đặc tính sinh vật học, cây trồng có thể được chia làm những nhóm nào?

- A. Nhóm cây lấy gỗ và cây rau.
- B. Nhóm cây một lá mầm và cây hai lá mầm.
- C. Nhóm cây ôn đới, nhiệt đới và á nhiệt đới.
- D. Nhóm cây lương thực và cây ăn quả.

**Câu 2:** Các giá thể trồng cây: than bùn, mùn cưa, trấu hun, xơ dừa thuộc nhóm:

- A. giá thể vô cơ.
- B. giá thể tổng hợp.
- C. giá thể hữu cơ.
- D. giá thể cơ bản.

**Câu 3.** Loại phân bón nào sau đây có thời hạn sử dụng ngắn nhất?

- A. Phân hữu cơ
- B. Phân hóa học
- C. Phân lân
- D. Phân vi sinh

**Câu 4.** Em hãy đề xuất hệ thống trồng cây không dùng đất thích hợp nhất cho cây kiểng trồng chậu.

- A. Hệ thống trồng cây thủy canh tĩnh
- B. Hệ thống trồng cây thủy canh NFT
- C. Trồng cây trên giá thể tưới nhỏ giọt
- D. Hệ thống trồng cây thủy canh thủy triều

**Câu 5:** Dựa vào căn cứ nào để phân loại vật nuôi?

- A. Kích thước của vật nuôi
- B. Dạ dày của vật nuôi
- C. Giới tính của vật nuôi
- D. Khối lượng của vật nuôi

**Câu 6.** Phương thức chăn nuôi nào sau đây khó kiểm soát được dịch bệnh?

- A. Chăn nuôi bán công nghiệp.
- B. Chăn nuôi công nghiệp.
- C. Chăn thả tự do.
- D. Chăn nuôi bán công nghiệp và chăn thả tự do.

**Câu 7.** Trong trường hợp giống vật nuôi có nguy cơ bị tuyệt chủng thì cần phải nhân giống vật nuôi đó bằng phương pháp nào?

- A. Nhân giống thuần chủng
- B. Lai cải tiến
- C. Lai cải tạo
- D. Lai kinh tế

**Câu 8.** Nguyên liệu chính của thức ăn đậm đặc là gì?

- A. Bột cỏ
- B. Bột rơm
- C. Bột cá
- D. Bột mì

**Câu 9:** Hoạt động nào **không phải** hoạt động cơ bản của lâm nghiệp?

- A. Quản lí và bảo vệ rừng.
- B. Phát triển và sử dụng rừng.
- C. Chế biến và thương mại lâm sản.
- D. Săn bắt động vật hoang dã.

**Câu 10:** Vì sao hoạt động cơ bản của sản xuất lâm nghiệp diễn ra tập trung vào một số tháng trong năm như hoạt động trồng rừng?

- A. Vì phải đến mùa khô, hoạt động thu hoạch rừng mới diễn ra dễ dàng.
- B. Vì thu hoạch đúng mùa vụ sẽ giúp bảo vệ đất tránh xói mòn, suy thoái.
- C. Vì cây phát triển mạnh mẽ vào mùa mưa nên có thể thực hiện sản xuất lâm nghiệp.
- D. Vì sản xuất rừng có tính thời vụ do đặc tính sinh lí, sinh thái của cây rừng.

**Câu 11.** Chăm sóc rừng có nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Cung cấp lâm sản cho con người.
- B. Góp phần bảo tồn đa dạng sinh học.
- C. Làm tăng tỉ lệ sống sau khi trồng.
- D. Khôi phục lại những diện tích rừng bị tàn phá do cháy.

**Câu 12.** Công việc nào sau đây giúp giảm sự cạnh tranh ánh sáng, nước, chất dinh dưỡng của cây đại với cây rừng?

- A. Tia canh, tia thưa.
- B. Bón phân, tưới nước.
- C. Làm hàng rào bảo vệ.
- D. Làm cỏ, chặt bỏ cây dại.

**Câu 13.** Cây rừng ở giai đoạn già cỗi có biểu hiện nào sau đây?

- A. Chất lượng hạt tốt nên thường được thu hạt để làm giống.
- B. Khả năng ra hoa, đậu quả tăng.
- C. Tăng trưởng hằng năm giảm rồi ngừng hẳn.
- D. Sức đề kháng của cây tốt nên ít bị sâu, bệnh hại.

**Câu 14.** Theo đặc tính sinh vật học, có những đặc điểm dùng để phân loại thủy sản như sau:

- (1) theo tính ăn
- (2) theo đặc điểm cấu tạo
- (3) theo các yếu tố môi trường
- (4) theo sự phân bố

Các nhận định đúng là:

- A. (1), (2), (3)
- B. (1), (2), (4)
- C. (1), (3), (4)
- D. (2), (3), (4)

**Câu 15.** Loại thủy sản nào sau đây sinh trưởng tốt trong điều kiện nhiệt độ thấp?

- A. Tôm sú
- B. Cá tầm
- C. Tôm càng xanh
- D. Cá tra

**Câu 16.** Phương thức nuôi trồng thủy sản nào sử dụng nguồn thức ăn phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên?

- A. Nuôi trồng thủy sản siêu thâm canh
- B. Nuôi trồng TS bán thâm canh
- C. Nuôi trồng TS quảng canh
- D. Nuôi trồng thủy sản thâm canh

**Câu 17.** Nuôi trồng thủy sản quảng canh có ưu điểm nào?

- A. Vốn đầu tư không lớn, hiệu quả kinh tế cao.
- B. Vốn thấp, rủi ro cao, giá bán sản phẩm cao.
- C. Vốn thấp, ít rủi ro, giá bán sản phẩm cao.
- D. Vốn đầu tư vừa phải, phù hợp với nhiều người nuôi, ít rủi ro

**Câu 18.** Em hãy đề xuất phương thức nuôi trồng thủy sản đem lại lợi nhuận trên một đơn vị diện tích khá cao và dễ dàng quản lí, phù hợp với nhiều người dân về mức đầu tư và kĩ thuật nuôi ở Việt Nam.

- A. Quảng canh
- B. Thâm canh.
- C. Bán thâm canh
- D. Siêu thâm canh

**Câu 19.** Độ trong và màu nước ao nuôi thủy sản chủ yếu do thành phần nào quyết định?

- A. Các loài vi tảo
- B. Hóa chất có màu
- C. Cặn vẩn
- D. Phù sa

**Câu 20.** Trong các loài cá sau đây, loài cá nào khi đẻ trứng cần có giá thể?

- A. Cá rô phi.
- B. Cá mè trắng.
- C. Cá trắm cỏ.

**D.** Cá chép.

**Câu 21.** Thành phần dinh dưỡng chiếm ưu thế trong thức ăn thủy sản có nguồn gốc từ động vật là:

**A.** Lipid

**B.** Protein

**C.** Vitamin

**D.** Khoáng chất

**Câu 22.** Vào thời điểm giao mùa, nhiệt độ biến động trong ngày lớn. Buổi sáng lạnh, trưa lại nóng, tối lại mát mẻ, những thay đổi này làm thủy sản (tôm, cá) khó thích nghi và dễ bị stress, giảm khả năng miễn dịch, khiến virus dễ dàng xâm nhập và phát triển. Lúc này người nuôi trồng thủy sản cần chú ý:

**A.** Tăng thêm lượng thức ăn công nghiệp cho thủy sản.

**B.** Bổ sung các khoáng chất và vitamin cho thủy sản.

**C.** Tăng cường thức ăn tươi sống cho thủy sản.

**D.** Sử dụng thêm các nguyên liệu ngũ cốc, bột đậu tương vào thức ăn thủy sản.

**Câu 23:** Bệnh nào sau đây thường xuất hiện trên cá tra ?

**A.** Lỗi mắt.

**B.** Gan thận mủ.

**C.** Hoại tử thần kinh.

**D.** Đốm trắng.

**Câu 24:** Áp dụng biện pháp nào để duy trì đặc tính tươi sống của sản phẩm thủy sản?

**A.** Ướp muối

**B.** Làm khô

**C.** Làm lạnh

**D.** Xông khói

## II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI (4 ĐIỂM)

**Câu 1:** Tràm Bông Vàng là loại cây dạng gỗ lớn, là thực vật quen sống ở nơi có khí hậu nóng, với khả năng chịu hạn tốt. Sinh trưởng khá nhanh và thích nghi rộng nên Tràm Bông Vàng nhanh chóng trở thành loài cây trồng phủ xanh đất trống đồi trọc. Đặc biệt, Tràm Bông Vàng cũng được trồng nhiều tại các vùng thiếu nước. Bên cạnh đó, gỗ của cây có thể dùng trong sản xuất giấy, đồ gia dụng và các công cụ. Ngoài ra, Tràm Bông Vàng có chứa tanin có thể dùng trong công nghiệp thuộc da. Các chất chiết ra từ gỗ lõi của Tràm Bông Vàng có tác dụng chống nấm làm hỏng gỗ. Gỗ và than củi từ là Tràm Bông Vàng dùng làm nguồn nhiên liệu,....

Các nhận định sau đây là đúng hay sai?

**a)** Cây tràm bông vàng có nhiều công dụng: phủ xanh đồi trọc, nguyên liệu sản xuất giấy, cung cấp gỗ, tinh dầu...

**b)** Cây tràm bông vàng có khả năng chịu hạn tốt.

**c)** Trồng cây tràm bông vàng trên các vùng đất đồi núi khô cằn giúp nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

**d)** Để bảo vệ đất đồi không bị sạt lở xói mòn nên áp dụng biện pháp khai thác trắng và trồng lại rừng sau khai thác.

**Câu 2.** Được mệnh danh là Kỳ lân châu Á, Sao la (*Pseudoryx nghetinhensis*) là một trong những loài thú quý hiếm nhất trên thế giới chỉ sinh sống tại vùng rừng núi hẻo lánh thuộc Trung Trường Sơn Việt Nam và Nam Lào. Nạn phá rừng và các bẫy thú là những mối đe dọa nghiêm trọng đối với sao la.

“Sao la tượng trưng cho tất cả những điều quan trọng hiện đang bị đe dọa. Nếu chúng ta có thể cứu Sao la, chúng ta sẽ cứu được cảnh quan rừng, đa dạng sinh học và những lợi ích hệ sinh thái mang lại, ví dụ như nguồn nước ngọt mà chúng ta đang phải phụ thuộc vào chẳng hạn. Do đó, đây không chỉ đơn thuần là bảo vệ một loài động vật trong tình trạng nguy cấp. Đây là cuộc chiến nhằm cứu lấy thiên nhiên, các lợi ích sinh thái, sinh kế cộng đồng và tất cả những gì mà loài Sao la đại diện.” (TS. Văn Ngọc Thịnh, Giám đốc Quốc gia WWF-Việt Nam)



Hình Sao la bị người săn bắt

Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai?

- a) Loài Sao La là một loài động vật quý hiếm sống ở vùng núi Trường Sơn Việt Nam
- b) Sao La là loài động vật dễ tìm thấy trong tự nhiên.
- c) Sao La có thể dễ dàng sống, sinh sản trong môi trường nuôi nhốt.
- d) Biện pháp để bảo vệ loài Sao La là mở rộng diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và nghiêm cấm các hoạt động săn bắn, vận chuyển, mua bán, sử dụng động, thực vật hoang dã, quý hiếm.

**Câu 3.** Hãy xác định các phát biểu sau đây là đúng hay sai khi nói về môi trường nước nuôi thủy sản.

- a) Màu nước phù hợp nhất để nuôi tôm là màu xanh nhạt (xanh nõn chuối) do sự phát triển của tảo lục.
- b) Nước quá trong thì không có cá
- c) Để tạo điều kiện cho cá con phát triển tốt, trước khi thả cá giống cần phải bón phân cho thủy vực để thực vật phù du phát triển.
- d) Một số ao nuôi cá vào buổi sáng sớm, cá có hiện tượng nổi đầu trên mặt nước, nguyên nhân là do ao thiếu oxygen hòa tan. Để khắc phục tình trạng này cần phải dùng quạt nước để làm tăng hàm lượng oxygen hòa tan.

**Câu 4.** Khi nói về ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo quản và chế biến thức ăn thủy sản, các phát biểu sau đây là đúng hay sai?

- a) Các loại thức ăn chăn nuôi thủy sản như: thức ăn hỗn hợp dạng viên, khô đậu nành lên men là các sản phẩm ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất.

- b) Quy trình lên men khô đậu nành làm thức ăn cho thủy sản theo thứ tự các bước như sau:

Bước 1: Nhân sinh khối vi sinh vật có lợi

Bước 2: Phối trộn

Bước 3: Lên men

Bước 4: Đánh giá chế phẩm

Bước 5: Làm khô và đóng gói.

- c) Để làm tăng hàm lượng protein trong cám gạo người ta dùng nấm men *Saccharomyces cerevisiae* để lên men cám gạo.

- d) Các phụ phẩm của cá tra, cò khô, rơm rạ, bã đậu nành ...có thể sử dụng làm nguyên liệu để sản xuất thức ăn thủy sản khi ứng dụng công nghệ sinh học.

--- Hết ---

## ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

### Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn: 6 điểm

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

|        |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |
|--------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Câu    | 1        | 2        | 3        | 4        | 5        | 6        | 7        | 8        | 9        | 10       | 11       | 12       |
| Đáp án | <b>B</b> | <b>C</b> | <b>D</b> | <b>C</b> | <b>B</b> | <b>C</b> | <b>A</b> | <b>C</b> | <b>D</b> | <b>D</b> | <b>C</b> | <b>D</b> |
| Câu    | 13       | 14       | 15       | 16       | 17       | 18       | 19       | 20       | 21       | 22       | 23       | 24       |
| Đáp án | <b>C</b> | <b>A</b> | <b>B</b> | <b>C</b> | <b>C</b> | <b>C</b> | <b>A</b> | <b>D</b> | <b>B</b> | <b>B</b> | <b>B</b> | <b>C</b> |

### Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai: 4 điểm

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1 điểm.

Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,50 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm.

| Ý        | Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 |
|----------|-------|-------|-------|-------|
| <b>a</b> | Đ     | Đ     | S     | S     |
| <b>b</b> | Đ     | S     | Đ     | Đ     |
| <b>c</b> | Đ     | S     | Đ     | Đ     |
| <b>d</b> | S     | Đ     | Đ     | Đ     |

**PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA**  
**ĐỀ 6**

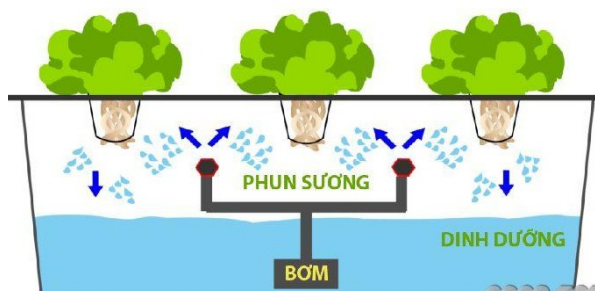
**ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025**  
**MÔN: CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP**  
**Thời gian: 50 phút**

Họ, tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

**PHẦN I.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Công nghệ nào sau đây được áp dụng trong bên?

- A. Công nghệ thủy canh tĩnh.
- B. Công nghệ khí canh tĩnh.
- C. Công nghệ khí canh hồi lưu.
- D. Công nghệ thủy canh hồi lưu.



hình

**Câu 2.** Nội dung nào sau đây **không** đúng khi nói về vai trò của nhà kính?

- A. Rút ngắn thời gian sinh trưởng, phát triển của cây trồng.
- B. Hạn chế được các tác động tiêu cực của thời tiết.
- C. Môi trường kín hỗ trợ tốt cho việc canh tác rau sạch.
- D. Tránh được hầu hết các loài côn trùng hại cây.

**Câu 3.** Đây là một mục tiêu mà nông nghiệp Việt Nam hướng tới?

- A. Duy trì phương thức trồng trọt cổ xưa.
- B. Xoá bỏ nông nghiệp.
- C. Nền nông nghiệp 4.0.
- D. Triển khai trồng trọt tới mọi ngõ ngách của thành phố.

**Câu 4.** Đây **không** là ứng dụng công nghệ cao trong bảo quản, chế biến thức ăn chăn nuôi?

- A. Sử dụng chất bảo quản có nguồn gốc sinh học.
- B. Chế biến thức ăn bằng phương pháp nghiền nhỏ.
- C. Chế biến thức ăn bằng dây chuyền tự động.
- D. Chế biến thức ăn nhờ công nghệ vi sinh.

**Câu 5.** Người lao động trong lĩnh vực lâm nghiệp cần các hiểu biết cơ bản về

- A. các quy định về xuất khẩu.
- B. các máy móc nông nghiệp.
- C. các phương án marketing.
- D. các loài cây trong rừng.

**Câu 6.** Đối với loài cây rừng có khả năng ra hoa và đậu quả, đây là giai đoạn cây rừng có khả năng ra hoa, đậu quả mạnh nhất?

- A. Giai đoạn thành thực.
- B. Giai đoạn gần thành thực.
- C. Giai đoạn non.
- D. Giai đoạn già cỗi.

**Câu 7.** Cá rô phi thuộc nhóm thủy sản nào sau đây?

- A. Nhóm ăn thực vật.
- B. Nhóm ăn tạp.
- C. Nhóm thủy sản nước lạnh.
- D. Nhóm thủy sản nước mặn.

**Câu 8.** Khi nói về các phương thức nuôi thủy sản ở Việt Nam, nội dung nào sau đây đúng?

- A. Nuôi trồng thủy sản quảng canh có vốn vận hành sản xuất cao.
- B. Nuôi trồng thủy sản thâm canh có vốn đầu tư ban đầu thấp.
- C. Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh có năng suất thấp hơn phương thức nuôi thâm canh.
- D. Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh có năng suất cao hơn phương thức nuôi thâm canh.

**Câu 9.** Chất thải rắn trong quá trình chăn nuôi sau khi được xử lý có thể tạo ra sản phẩm nào?

- A. Phân bón vi sinh.
- B. Phân bón hóa học.

C. Khí sinh học.

D. Nước tưới.

**Câu 10.** Màu nước nuôi thủy sản phù hợp nhất cho các loài thủy sản nước ngọt là?

A. Nước nuôi có màu vàng nâu.

B. Nước nuôi có màu xanh rêu.

C. Nước nuôi có màu vàng cam.

D. Nước nuôi có màu xanh nhạt.

**Câu 11.** Phương pháp chế biến thủy sản nào sau đây có thời hạn sử dụng dài từ 2 – 5 năm?

A. Phương pháp làm tôm chua.

B. Phương pháp chế biến cá fillet đông lạnh.

C. Phương pháp chế biến thủy sản đóng hộp.

D. Phương pháp làm nước mắm truyền thống.

**Câu 12.** Trong các hình thức khai thác nguồn lợi thủy sản sau đây, hình thức nào có tính chọn lọc cao?

A. Câu.

B. Lưới rê.

C. Lưới vây.

D. Lưới kéo.

**Câu 13.** Nội dung nào sau đây **không** là biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi?

A. Quy hoạch khu chăn nuôi gần đường giao thông chính.

B. Mật độ và chuồng nuôi phù hợp với từng loại vật nuôi.

C. Áp dụng công nghệ tiên tiến trong chăn nuôi.

D. Vệ sinh chuồng trại sạch sẽ, thường xuyên.

**Câu 14.** Trong một trang trại nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP, để tuyển chọn được những con giống chất lượng, người ta sẽ lựa chọn những con giống như thế nào?

A. Cơ thể cân đối, kích cỡ đồng đều, phản xạ chậm, không có dấu hiệu bệnh và được kiểm dịch theo quy định.

C. Cơ thể cân đối, kích cỡ bé trong đàn, phản xạ nhanh nhẹn, không có dấu hiệu bệnh và được kiểm dịch theo quy định.

B. Phản xạ nhanh, kích cỡ bé trong đàn, không có dấu hiệu bệnh và được kiểm dịch theo quy định.

D. Cơ thể cân đối, kích cỡ đồng đều, phản xạ nhanh nhẹn, không có dấu hiệu bệnh và được kiểm dịch theo quy định.

**Câu 15.** Đây là ý nghĩa của việc bảo vệ và khai thác rừng bền vững?

A. Bảo vệ môi trường sống cho các loài thủy sản.

B. Bảo tồn nguồn gen các loài thủy sinh quý hiếm.

C. Duy trì diện tích rừng và tài nguyên rừng phòng hộ.

D. Điều hòa không khí, bảo vệ nguồn nước.

**Câu 16.** Trong bảo vệ tài nguyên rừng, nhà nước đã ban hành những chính sách nào về bảo vệ và phát triển rừng?

A. Bảo vệ và phát triển các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.

B. Công khai thông tin về những nội dung liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên rừng.

C. Mở rộng, tăng cường hội nhập, hợp tác quốc tế và thực hiện cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường rừng.

D. Đầu tư cho các hoạt động bảo vệ và phát triển môi trường rừng.

**Câu 17.** Để bảo quản các sản phẩm trồng trọt dạng hạt, thức ăn ủ chua cho vật nuôi với số lượng lớn, người ta thường áp dụng phương pháp bảo quản nào?

A. Bảo quản trong kho lạnh.

B. Bảo quản bằng kho silo.

C. Bảo quản bằng chiếu xạ.

D. Bảo quản bằng công nghệ plasma lạnh.

**Câu 18.** Chuồng nuôi được xây kín như một đường hầm, tuy nhiên hai bên chuồng có hệ thống cửa sổ có thể đóng mở linh hoạt. Đây là ví dụ về

A. kiểu chuồng nuôi kín – hở linh hoạt.

B. kiểu chuồng nuôi bán công nghiệp.

C. kiểu chuồng nuôi kín.

D. kiểu chuồng nuôi hở.

**Câu 19.** Trong môi trường ao nuôi luôn tồn tại đồng thời vi sinh vật có lợi và vi sinh vật có hại cho vật nuôi. Đây là loài vi sinh vật có lợi cho môi trường ao nuôi?

A. *Vibrio*.

B. *Methanosarcina*.

C. *Lactobacillus*.

D. *Aeromonas*.

**Câu 20.** Khi nói về các phương pháp bảo quản thức ăn thủy sản, nội dung nào sau đây sai?

**A.** Thức ăn tươi sống chứa hàm lượng nước cao nên không bảo quản được lâu.

**B.** Nhóm nguyên liệu cung cấp protein có thời gian bảo quản ngắn.

**C.** Thức ăn hỗn hợp dạng viên có thể bảo quản được lâu dài.

**D.** Các chất bổ sung vào thức ăn thủy sản thường có độ ẩm rất cao.

**Câu 21.** Cho các nguyên nhân sau: (1) Khai thác gỗ không hợp lý; (2) Cho thuê rừng; (3) Chặt phá rừng làm nơi chăn thả gia súc; (4) Cháy rừng; (5) Đốt rừng làm nương rẫy; (6) Kiểm soát suy thoái các loài quý, hiếm. Nguyên nhân suy thoái tài nguyên rừng gồm:

**A.** (1), (2), (4), (5).

**B.** (1), (3), (4), (5).

**C.** (2), (3), (4) (6).

**D.** (3), (4), (5), (6).

**Câu 22.** Trong hệ thống nuôi thủy sản tuần hoàn, nguồn nước sẽ đi qua lần lượt những bể chứa nước sau: (1) bể lọc cơ học (2) bể nuôi; (3) bể lọc sinh học; (4) bể chứa nước thải hòa tan; (5) bể chứa nước sạch sau khi xử lý.

Thứ tự đúng là:

**A.** (1) → (4) → (3) → (2) → (5).

**B.** (2) → (1) → (4) → (3) → (5).

**C.** (1) → (2) → (4) → (3) → (5).

**D.** (2) → (4) → (1) → (3) → (5).

**Câu 23.** Đồ thị dưới đây thể hiện diện tích rừng bị hại do chặt phá và cháy rừng trong giai đoạn 2010- (Nguồn: Tổng cục thống kê; TTXVN)

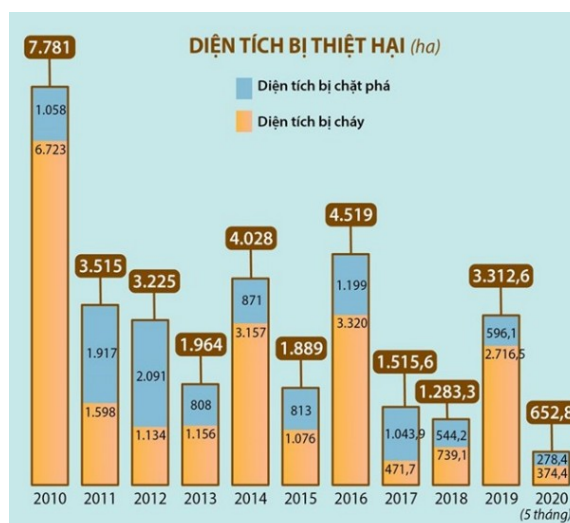
Nhận định nào sau đây đúng?

**A.** Diện tích rừng bị thiệt hại do chặt phá ở nước ta đoạn 2010 - 2019 có xu hướng giảm.

**B.** Diện tích rừng bị thiệt hại do cháy rừng ở nước đoạn 2010 - 2019 có xu hướng tăng.

**C.** Cháy rừng là nguyên nhân chủ yếu dẫn tới diện rừng bị thu hẹp.

**D.** Chặt phá rừng ở năm 2017 gây nên thiệt hại 471,7 ha rừng.



thiệt  
2020.

giai

ta giai

tích

**Câu 24.** Dưới đây là bảng tỉ lệ thành phần dinh dưỡng trong thức ăn của một số loại thủy sản nuôi:

| Loại cá            | Tỉ lệ các thành phần dinh dưỡng trong thức ăn (%) |        |             |            |
|--------------------|---------------------------------------------------|--------|-------------|------------|
|                    | Protein                                           | Lipid  | Chất xơ thô | Chất vô cơ |
| Cá rô phi giống    | 35                                                | 5      | 6           | 12 – 14    |
| Tôm thẻ chân trắng | 40                                                | 5      | 4           | —          |
| Cá chim vây vàng   | 43 – 46                                           | 9 – 10 | 3           | —          |

Nhận định nào sau đây sai?

**A.** Tôm thẻ chân trắng cần bổ sung 40g Protein trong 100kg thức ăn.

**B.** Cá rô phi giống cần bổ sung 6g chất xơ thô trong 100g thức ăn.

**C.** Cá chim vây vàng không cần bổ sung chất vô cơ trong thành phần thức ăn.

**D.** Protein chiếm tỉ lệ % cao nhất trong thành phần dinh dưỡng trong thức ăn.

**PHẦN II.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Ở các khu vực miền núi của nước ta, một số người dân vào rừng đốt lửa để khai thác mật ong. Sau đây là một số nhận định:

- a) Mật ong rừng không được coi là tài nguyên rừng.
- b) Việc người dân đốt lửa để khai thác mật ong cần được khuyến khích nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế từ khai thác tài nguyên rừng.
- c) Đốt lửa để khai thác mật ong có thể dẫn đến suy thoái tài nguyên rừng nên cần phải nghiêm cấm.
- d) Người dân được phép khai thác mật ong rừng nhưng phải sử dụng biện pháp hợp lý để không ảnh hưởng đến đàn ong và các tài nguyên rừng khác.

**Câu 2.** Khi tham quan mô hình nuôi cá diêu hồng trong lồng tại địa phương. Để quản lí sức khỏe cá nuôi lồng, người nuôi có thể áp dụng các phương pháp sau:

- a) Sát khuẩn, vệ sinh lồng lưới cũng như nguồn nước trước và trong khi nuôi.
- b) Định kì bổ sung các loại thức ăn có bổ sung vitamin C, thuốc tăng cường miễn dịch, men tiêu hóa, thuốc diệt nội, ngoại kí sinh trùng giúp tăng cường sức đề kháng cho cá.
- c) Khi có dịch bệnh xảy ra, thu hoạch sớm tất cả cá trong lồng nuôi.
- d) Sau khi điều trị bệnh, bổ sung chế phẩm vi sinh vào thức ăn và môi trường nước để phục hồi hệ vi sinh có lợi.

**Câu 3.** Khi quan sát ao nuôi tôm thẻ chân trắng, thấy tôm có các biểu hiện như: kén ăn, bỏ ăn, nổi lên tầng mặt và dạt vào bờ, nắp mang phồng lên. Trên vỏ tôm xuất hiện các đốm trắng. Sau đây là một số nhận định:

- a) Các biểu hiện cho thấy tôm bị bệnh đốm trắng ở giai đoạn nặng.
- b) Bệnh do virus gây ra, chưa có thuốc đặc trị nên phòng bệnh là biện pháp chủ yếu để hạn chế dịch bệnh.
- c) Khi tôm bị bệnh, có thể sử dụng chế phẩm dịch tỏi lên men trộn vào thức ăn để trị bệnh đốm trắng trên tôm.
- d) Để không xảy ra tình trạng tương tự, cần tiêu hủy tôm chết theo đúng quy định, xả hết nước ao nuôi ra môi trường, khử trùng ao trước khi nuôi lứa mới.

**Câu 4.** Đọc thông tin sau: “Trong công nghiệp chế biến cá tra, có khoảng 60% cơ thể cá không được sử dụng làm thực phẩm, bao gồm đầu, mỡ, da, nội tạng và xương. Những phế phụ phẩm này có chứa nhiều loại protein khác nhau. Các nhà khoa học đã tuyển chọn và sử dụng những loại enzyme thích hợp để thủy phân một số loại protein có trong phế phụ phẩm cá tra để chế biến thức ăn thủy sản giàu lysine”.

Từ thông tin trên, có một số nhận định như sau:

- a) Quá trình chế biến thức ăn thủy sản giàu lysine có ý nghĩa giúp cải thiện hàm lượng lysine trong thức ăn, tăng cường khả năng tiêu hoá và hấp thu lysine, giảm thiểu chi phí sản xuất.
- b) Không thể thay thế phế phụ phẩm cá tra bằng bất kì loài cá nước mặn nào khác.
- c) Việc phối trộn nguyên liệu với enzyme, bổ sung nước sạch và ủ trong thời gian thích hợp để enzyme thủy phân protein trong nguyên liệu thành lysine là quan trọng nhất.
- d) Nên áp dụng quy trình này ở những nước có nền khoa học phát triển.

---HẾT---

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**PHẦN I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN (6,0 ĐIỂM)**

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

|    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| 1  | 2  | 3  | 4  | 5  | 6  | 7  | 8  | 9  | 10 | 11 | 12 |
| B  | A  | C  | B  | D  | A  | B  | C  | A  | D  | C  | A  |
| 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 |
| A  | D  | D  | A  | B  | A  | C  | D  | B  | B  | C  | B  |

**PHẦN II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI (4,0 ĐIỂM)**

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1 điểm.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm.
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm.

| Câu | Lệnh hỏi | Đáp án<br>(Đ - S) | Câu | Lệnh hỏi | Đáp án<br>(Đ - S) |
|-----|----------|-------------------|-----|----------|-------------------|
| 1   | a)       | S                 | 2   | a)       | Đ                 |
|     | b)       | S                 |     | b)       | Đ                 |
|     | c)       | Đ                 |     | c)       | S                 |
|     | d)       | Đ                 |     | d)       | Đ                 |
| 3   | a)       | Đ                 | 4   | a)       | Đ                 |
|     | b)       | Đ                 |     | b)       | S                 |
|     | c)       | S                 |     | c)       | Đ                 |
|     | d)       | S                 |     | d)       | S                 |

... HẾT..

**PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA****ĐỀ 7****ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025****MÔN: CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP****Thời gian: 50 phút****PHẦN I.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**Câu 1.** Công nghệ trồng trọt nào được áp dụng trong hình dưới đây?

- A.** Công nghệ thủy canh.
- B.** Công nghệ tưới phun sương.
- C.** Công nghệ khí canh
- D.** Công nghệ tưới tràn

**Câu 2.** Nhận định nào **không** đúng đối với công nghệ trồng trọt trong nhà kính?

- A. Cây không cần chăm sóc vẫn phát triển tốt.
- B. Cần sử dụng các biện pháp trừ sâu, bệnh hại khi cần thiết.
- C. Chi phí đầu tư cao, cần kiểm tra và bảo trì khi cần.
- D. Phù hợp với hầu hết các độ tuổi lao động.

**Câu 3.** Cho các nhận định về vai trò và triển vọng của trồng trọt như sau, các nhận định nào là đúng?

- (1) Cung cấp thịt, trứng, sữa
- (2) Tạo việc làm cho người lao động
- (3) Thúc đẩy sự phát triển của chăn nuôi
- (4) Đảm bảo an ninh lương thực
- (5) Cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu
- (6) Phát triển trồng trọt ứng dụng công nghệ cao
- (7) Nền nông nghiệp truyền thống
- (8) Hướng tới nền nông nghiệp 4.0

A. (2) (3) (4) (5) (6) (7)

B. (1) (3) (4) (5) (6) (7)

C. (1) (3) (4) (5) (6) (8)

D. (2) (3) (4) (5) (6) (8)

**Câu 4.** Sản phẩm chăn nuôi được tạo thành từ phương pháp chế biến đó là sản phẩm nào?

A. Cá biển đông lạnh

B. Chả lụa

C. Ruốc cá

D. Mực phơi khô

**Câu 5.** Người lao động làm việc trong các ngành nghề của lâm nghiệp cần có các phẩm chất nào sau đây?

- A. Yêu thích công việc trồng và chăm sóc cây ăn quả.
- B. Yêu thích vật nuôi, đam mê công việc chăm sóc thú cưng.
- C. Yêu thiên nhiên, đam mê công việc trồng và chăm sóc rừng.
- D. Yêu thích công việc trồng và chăm sóc hoa, cây cảnh.

**Câu 6.** Giai đoạn thành thực của cây lâm nghiệp là giai đoạn nào sau đây?

- A. giai đoạn từ hạt nảy mầm đến trước ra hoa lần thứ nhất.
- B. giai đoạn từ 3 - 5 năm kể từ khi cây ra hoa lần thứ nhất.
- C. giai đoạn từ 5 - 10 năm kể từ khi ra hoa lần thứ nhất.
- D. giai đoạn cuối cùng của chu kỳ sinh trưởng.

**Câu 7.** Đâu không phải vai trò quan trọng của thủy sản đối với đời sống con người và nền kinh tế?

- A. Cung cấp thực phẩm giàu protein cho con người.
- B. Cung cấp khoáng sản, nhiên liệu hoá thạch cho công nghiệp máy móc.
- C. Cung cấp nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu.
- D. Khẳng định chủ quyền biển đảo và an ninh quốc phòng.

**Câu 8.** Động vật thủy sản nào sau đây thuộc nhóm giáp xác?

- A. Cá rô phi.
- B. Tôm sú.
- C. Ech đồng.
- D. Mực ống.

**Câu 9.** Phương pháp xử lý chất thải chăn nuôi có thể giảm thiểu ô nhiễm môi trường lại tạo ra sản phẩm có lợi cho sinh hoạt hằng ngày?

- A. Công nghệ biogas.
- B. Công nghệ oxygen.
- C. Công nghệ ủ hiếu khí.
- D. Công nghệ ủ chua lên men.

**Câu 10.** Màu nước nuôi phù hợp nhất cho các loại thủy sản nước ngọt là màu gì?

- A. Màu xanh nõn chuối nhạt.
- B. Màu vàng nâu nước trà.
- C. Màu xanh rêu hoặc vàng cam.
- D. Màu đỏ gạch.

**Câu 11.** Đâu không phải là phương pháp bảo quản thủy sản phổ biến?

- A. Phương pháp bảo quản lạnh
- B. Phương pháp làm khô
- C. Phương pháp ướp muối
- D. Ứng dụng công nghệ nano UFB trong bảo quản cá ngừ đại dương

**Câu 12.** Biện pháp khai thác thủy sản nào sau đây bị nghiêm cấm?

- A. Dùng thuốc nổ
- B. Dùng hóa chất
- C. Chích điện
- D. Dùng thuốc nổ, hóa chất, chích điện

**Câu 13.** Đâu là ứng dụng công nghệ sinh học trong chăn nuôi?

- A. Sử dụng công nghệ biogas trong xử lý chất thải chăn nuôi.
- B. Sử dụng vôi bột khử trùng chuồng nuôi.
- C. Sử dụng nước xà phòng khử trùng chuồng nuôi.
- D. Khơi thông cống, rãnh ở khu vực chăn nuôi.

**Câu 14.** Ý nào sau đây **không** đúng đối với việc nuôi, chăm sóc, quản lý cá rô phi?

- A. Cho cá ăn thức ăn công nghiệp dạng viên nổi.
- B. Số lượng và chất lượng thức ăn phải điều chỉnh hàng ngày.
- C. Thường xuyên theo dõi các chỉ số chất lượng nước nuôi cá.
- D. Có thể cho cá ăn bằng tay hoặc máy cho ăn tự động.

**Câu 15.** Vai trò của trồng rừng phòng hộ đầu nguồn?

- A. Điều tiết nguồn nước, hạn chế lũ lụt, cung cấp nước cho các dòng chảy và hồ trong mùa khô, hạn chế xói mòn, bảo vệ đất, hạn chế bồi lấp các lòng sông, hồ, ...
- B. Chắn cát, ngăn sóng, chống xói mòn, cố định bùn cát lắng đọng để hình thành đất mới.
- C. Ngăn sóng, bảo vệ công trình ven biển, cố định bùn cát lắng đọng để hình thành đất mới.
- D. Điều hòa không khí, bảo vệ môi trường sinh thái ở khu dân cư, khu công nghiệp, khu đô thị.

**Câu 16.** Khai thác dần là gì?

- A. Là chặt toàn bộ cây rừng ở một khu vực nhất định trong một mùa khai thác.
- B. Là chặt toàn bộ cây rừng ở một khu vực nhất định, quá trình chặt được thực hiện trong nhiều mùa khai thác với thời gian khai thác kéo dài.
- C. Là chọn chặt các cây đã thành thực, giữ lại cây còn non, cây có phẩm chất tốt và sức sống mạnh.
- D. Là chặt toàn bộ cây rừng ở một khu vực nhất định, quá trình chặt được thực hiện trong nhiều mùa khai thác với thời gian khai thác ngắn.

**Câu 17.** Một trang trại sử dụng một số loại máy trong nông nghiệp như máy gieo hạt, máy cấy, máy thu hoạch... Trang trại đang thực hiện?

- A.** cơ giới hóa trong chăn nuôi.      **B.** nông nghiệp tuần hoàn.  
**C.** cơ giới hóa trong trồng trọt.      **D.** trồng trọt theo tiêu chuẩn VietGAP.

**Câu 18.** Theo tiêu chuẩn VietGAP, ý nào sau đây không đúng về yêu cầu khi xây dựng chuồng nuôi?

- A.** Sàn và lối đi được làm bằng vật liệu an toàn, không trơn trượt.  
**B.** Hệ thống tường, mái, rèm che phải đảm bảo không bị dột, thấm, không bị mưa hắt, gió lùa và dễ làm vệ sinh.  
**C.** Xây dựng hệ thống cung cấp thức ăn và nước uống không dễ cho vật nuôi tiếp cận được nhằm cải thiện khả năng vận động.  
**D.** Dụng cụ, thiết bị phải dùng riêng cho từng khu chăn nuôi, phải đảm bảo an toàn và dễ vệ sinh, khử trùng.

**Câu 19.** Khi độ trong của nước cao sẽ xảy ra điều gì đến ao nuôi?

- A.** Ngăn cản quang hợp của sinh vật phù du  
**B.** Làm giảm lượng oxygen trong ao  
**C.** Ảnh hưởng đến động vật thủy sản  
**D.** Hạn chế nguồn thức ăn tự nhiên

**Câu 20.** Loại thức ăn thủy sản nào sau đây không phù hợp với cá chép giống?

- A.** Thức ăn hỗn hợp dạng viên.      **B.** Bột cá.  
**C.** Động vật phù du.      **D.** Thức ăn xanh.

**Câu 21.** Cho các sản phẩm sau: (1) Mật ong rừng; (2) Sừng tê giác; (3) Gỗ; (4) Lan rừng; (5) Bí ngô. Sản phẩm của lâm nghiệp gồm những sản phẩm nào?

- A.** (1), (2), (4).      **B.** (1), (3), (4).  
**C.** (2), (3), (4).      **D.** (3), (4), (5).

**Câu 22.** Trong quy trình ương nuôi từ cá bột lên cá hương, thời gian nuôi giai đoạn này bao lâu là có thể chuyển sang giai đoạn tiếp theo?

- A.** 20-25 ngày  
**C.** 25-30 ngày  
**B.** 40- 45 ngày  
**D.** 45- 50 ngày

**Câu 23.** Để khắc phục tình trạng suy thoái tài nguyên rừng ta cần làm gì?

- A.** Hoàn thành việc giao đất, giao rừng để đảm bảo tất cả diện tích rừng và đất rừng đều có chủ.  
**B.** Tinh giản bộ máy quản lý nhà nước trong lĩnh vực lâm nghiệp.  
**C.** Chuyển đổi rừng ngập mặn sang đầm nuôi tôm.  
**D.** Chỉ tập trung kiện toàn, củng cố tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước về lâm nghiệp ở địa phương.

**Câu 24.** Cho các phát biểu như sau về vai trò của công nghệ sinh học trong chế biến thức ăn giàu lysine cho động vật thủy sản:

- (1) Cải thiện hàm lượng lysine trong thức ăn.  
(2) Tăng cường khả năng tiêu hoá và hấp thu lysine.  
(3) Giảm thiểu chi phí sản xuất.

(4) Nâng giả thành sản phẩm.

(5) Nâng cao chất lượng sản phẩm.

Số phát biểu đúng là bao nhiêu?

A. 5.                      B. 4.                      C. 3.                      D. 2.

**PHẦN II.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Một khu rừng phòng hộ, đầu nguồn phân bố tại nơi có độ dốc trên 15 độ. Khi khu rừng đủ điều kiện và được phép khai thác, người ta đưa ra những nhận định về phương thức khai thác rừng nên áp dụng cho khu rừng như sau, em hãy cho biết đúng hay sai?

A. Khai thác trắng toàn bộ diện tích rừng.

B. Khai thác chọn với điều kiện duy trì được khả năng phòng hộ của rừng sau khai thác.

C. Khai thác chọn tất cả những cây gỗ lớn chỉ để lại cây bụi và cây gỗ nhỏ.

D. Khai thác trắng toàn bộ diện tích rừng và trồng lại rừng trong vụ trồng rừng kế tiếp.

**Câu 2.** Dưới đây là mô tả của một học sinh về xử lý nước thải sau nuôi thủy sản:

“Đối với hệ thống nuôi không xuất hiện dịch bệnh, có thể xử lý nước thải bằng hệ thống ao lắng để tái sử dụng cho vụ sau hoặc dùng nước thải để tưới cho cây trồng, còn gọi là mô hình nuôi kết hợp. Đối với ao nuôi nhiễm bệnh, cần thải nước từ ao nuôi ra kênh mương bên ngoài ngay để tránh lây lan mầm bệnh cho ao nuôi khác trong trại”.

Từ mô tả trên, có một số nhận định sau, , em hãy cho biết đúng hay sai?

A. Việc xử lý nước thải từ ao nuôi không xuất hiện dịch bệnh để sử dụng cho vụ nuôi sau là không phù hợp.

B. Sử dụng nước thải sau nuôi thủy sản để tưới cho cây trồng là phù hợp.

C. Xả nước thải ao nuôi nhiễm bệnh ra kênh mương bên ngoài là phù hợp.

D. Mô hình trồng cây - nuôi cá là mô hình nuôi kết hợp.

**Câu 3.** Khi tìm hiểu về nguồn phát sinh chất thải trong ao nuôi, sau đây là một số nhận định sau, em hãy cho biết đúng hay sai?

A. Thức ăn thừa và thức ăn bị tan rã sẽ tạo ra chất thải trong ao.

B. Mật độ nuôi càng thấp thì chất thải tạo ra càng nhiều.

C. Quá trình bài tiết của động vật thủy sản tạo ra chất thải trong nước.

D. Các chất thải từ thức ăn làm tăng hàm lượng oxygen trong nước.

**Câu 4.** Một ao nuôi tôm sú bị nhiễm bệnh đốm trắng làm tôm chết hàng loạt. Người ta đưa ra một số ý kiến về biện pháp xử lý như sau, em hãy cho biết đúng hay sai?

A. Thu bắt ngay tôm còn sống để bán ra thị trường.

B. Khử trùng bằng thuốc sát trùng liều cao, cách li ngay với ao khác.

C. Không thải nước thải ra ngoài khi chưa xử lý.

D. Tự xử lý, không thông báo với chuyên gia hoặc cơ quan chức năng.

## ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24

( Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

| Câu  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
|------|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Chọn | A | A | D | B | C | C | B | B |

|             |           |           |           |           |           |           |           |           |
|-------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| <b>Câu</b>  | <b>9</b>  | <b>10</b> | <b>11</b> | <b>12</b> | <b>13</b> | <b>14</b> | <b>15</b> | <b>16</b> |
| <b>Chọn</b> | <b>A</b>  | <b>A</b>  | <b>D</b>  | <b>D</b>  | <b>A</b>  | <b>B</b>  | <b>A</b>  | <b>B</b>  |
| <b>Câu</b>  | <b>17</b> | <b>18</b> | <b>19</b> | <b>20</b> | <b>21</b> | <b>22</b> | <b>23</b> | <b>24</b> |
| <b>Chọn</b> | <b>C</b>  | <b>C</b>  | <b>D</b>  | <b>D</b>  | <b>B</b>  | <b>C</b>  | <b>A</b>  | <b>B</b>  |

**PHẦN II.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 04 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;

|               |                          |                          |                          |                          |
|---------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>Câu</b>    | <b>1</b>                 | <b>2</b>                 | <b>3</b>                 | <b>4</b>                 |
| <b>Đáp án</b> | a)S<br>b)Đ<br>c)S<br>d)S | a)S<br>b)Đ<br>c)S<br>d)Đ | a)Đ<br>b)S<br>c)Đ<br>d)S | a)S<br>b)Đ<br>c)Đ<br>d)S |

**PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA**  
**ĐỀ 8**

**ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025**  
**MÔN: CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP**  
**Thời gian: 50 phút**

**PHẦN I.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Công nghệ trồng trọt nào được áp dụng trong hình dưới đây?

- A.** Công nghệ trụ khí canh.
- B.** Công nghệ tưới phun sương.
- C.** Công nghệ khí canh.
- D.** Công nghệ tưới tràn.



**Câu 2.** Nhận định nào **không** đúng đối với công nghệ trồng trọt trong nhà kính?

- A.** Cây vẫn cần con người chăm sóc hợp lý.
- B.** Cần chọn giống tốt và sạch bệnh để gieo trồng.
- C.** Chi phí đầu tư thấp, dễ dàng thực hiện.
- D.** Phù hợp với cả diện tích trồng trọt nhỏ và vừa.

**Câu 3.** Cho biết đâu là triển vọng của ngành trồng trọt nước ta trong các ý sau?

- (1) Tạo việc làm cho người lao động trình độ cao
- (2) Phát triển trồng trọt ứng dụng công nghệ cao
- (3) Nền nông nghiệp truyền thống
- (4) Hướng tới nền nông nghiệp 4.0

**A.** (1) và (3)

**B.** (1) và (2)

**C.** (2) và (3)

**D.** (2) và (4)

**Câu 4.** Sản phẩm chăn nuôi được tạo thành từ phương pháp chế biến đó là sản phẩm nào sau đây?

**A.** Cá biển đông lạnh

**B.** Thịt xông khói

**C.** Sản phẩm ruốc cá

**D.** Mực phơi khô

**Câu 5.** Người lao động làm việc trong các ngành nghề của lâm nghiệp cần có các phẩm chất nào sau đây?

**A.** Yêu thích công việc trồng và chăm sóc cây ăn quả.

**B.** Yêu thích vật nuôi, đam mê công việc chăm sóc thú cưng.

**C.** Yêu thiên nhiên, đam mê công việc trồng và chăm sóc rừng.

**D.** Yêu thích công việc trồng và chăm sóc hoa, cây cảnh.

**Câu 6.** Giai đoạn gần thành thực của cây lâm nghiệp là giai đoạn nào sau đây?

**A.** Giai đoạn từ hạt nảy mầm đến trước ra hoa lần thứ nhất.

**B.** Giai đoạn từ 3 - 5 năm kể từ khi cây ra hoa lần thứ nhất.

**C.** Giai đoạn từ 5 - 10 năm kể từ khi ra hoa lần thứ nhất.

**D.** Giai đoạn cuối cùng của chu kì sinh trưởng.

**Câu 7.** Đâu **không** phải là xu hướng của phát triển thủy sản ở Việt Nam và thế giới?

**A.** Phát triển bền vững gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

**B.** Giảm tỉ lệ nuôi, tăng tỉ lệ khai thác để phát triển bền vững.

**C.** Áp dụng công nghệ cao để phát triển bền vững.

**D.** Hướng tới nuôi trồng theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP.

**Câu 8.** Cá rô phi thuộc nhóm cá nào sau đây?

**A.** Nhóm thủy sản ăn thực vật.

**B.** Nhóm thủy sản ăn động vật.

**C.** Nhóm thủy sản ăn sinh vật phù du.

**D.** Nhóm thủy sản ăn tạp.

**Câu 9.** Công nghệ biogas trong xử lí chất thải chăn nuôi cần thực hiện trong điều kiện gì?

**A.** Hiếu khí

**B.** Yếm khí

**C.** Lên men

**D.** Ủ chua

**Câu 10.** Màu nước nuôi phù hợp nhất cho các loài thủy sản nước lợ, mặn là màu gì?

**A.** Màu xanh nõn chuối nhạt.

**B.** Màu vàng nâu nước trà.

**C.** Màu xanh rêu hoặc vàng cam.

**D.** màu đỏ gạch.

**Câu 11.** Đâu không phải là phương pháp chế biến thủy sản phổ biến?

- A. Sản xuất nước mắm truyền thống từ cá
- B. Phương pháp làm tôm chua
- C. Phương pháp chế biến thủy sản đóng hộp
- D. Ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất surimi từ mực đại dương

**Câu 12.** Hoạt động nào sau đây có tác dụng bảo vệ nguồn lợi thủy sản?

- A. Thiết lập các khu bảo tồn biển.
- B. Đánh bắt thủy sản bằng lưới có kích cỡ mắt lưới nhỏ.
- C. Đánh bắt thủy sản bằng kích điện.
- D. Khai thác thủy sản quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng.

**Câu 13.** Đâu là ứng dụng công nghệ sinh học trong chăn nuôi?

- A. Sử dụng công nghệ biogas trong xử lý chất thải chăn nuôi.
- B. Sử dụng vôi bột khử trùng chuồng nuôi.
- C. Sử dụng nước xà phòng khử trùng chuồng nuôi.
- D. Khơi thông cống, rãnh ở khu vực chăn nuôi.

**Câu 14.** Đối với lồng nuôi cá rô phi đặt trên hồ chứa, các cụm lồng nên cách nhau bao nhiêu mét?

- A. Dưới 150 m
- B. Trên 200 m
- C. 150 m – 200 m
- D. Dưới 200 m

**Câu 15.** Trồng dặm và tỉa thưa có tác dụng gì?

- A. Tạo điều kiện cho cây sinh trưởng.
- B. Tạo điều kiện cho cây phát triển
- C. Đảm bảo chức năng của rừng
- D. Tạo điều kiện cho cây sinh trưởng, phát triển, đảm bảo chức năng của rừng.

**Câu 16.** Phương thức khai thác trắng được áp dụng ở khu vực nào?

- A. Độ dốc cao
- B. Có lượng mưa nhiều
- C. Độ dốc cao, lượng mưa nhiều
- D. Độ dốc thấp, lượng mưa ít

**Câu 17.** Một nông trại sử dụng một số loại máy trong nông nghiệp như máy gieo hạt, máy cấy, máy thu hoạch... Trang trại đang thực hiện?

- A. Cơ giới hóa trong chăn nuôi.
- B. Nông nghiệp tuần hoàn.
- C. Cơ giới hóa trong trồng trọt.
- D. Trồng trọt theo tiêu chuẩn VietGAP.

**Câu 18.** Dưới đây là những yêu cầu để quản lý dịch bệnh đối với một trang trại theo tiêu chuẩn VietGAP. Ý nào sau đây **không** đúng?

- A. Phải có quy trình phòng bệnh phù hợp với từng đối tượng nuôi
- B. Có nguồn cung tài chính từ các công ty lớn cùng ngành
- C. Có đầy đủ trang thiết bị và quy trình vệ sinh, tiêu độc, khử trùng
- D. Có bác sĩ thú y theo dõi sức khỏe vật nuôi

**Câu 19.** Màu nước nuôi phù hợp của thủy sản nước ngọt là màu gì?

- A. Màu xanh đậm

**B.** Màu xanh nhạt

**C.** Màu vàng

**D.** Màu nâu

**Câu 20.** Tuổi thành thực sinh dục của tôm phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

**A.** Tuổi

**B.** Khối lượng cơ thể

**C.** Tuổi và khối lượng cơ thể

**D.** Nhiệt độ môi trường

**Câu 21.**

Cho các sản phẩm sau: (1) Mật ong rừng; (2) Sừng tê giác; (3) Gỗ; (4) Lan rừng; (5) Bí ngô. Sản phẩm của lâm nghiệp gồm các sản phẩm nào sau đây?

**A.** (1), (2), (4).

**B.** (1), (3), (4).

**C.** (2), (3), (4).

**D.** (3), (4), (5).

**Câu 22.** Trong quy trình ương nuôi cá, giai đoạn từ cá hương lên cá giống, ý nào sau đây **không** phù hợp?

**A.** Thời gian nuôi của giai đoạn này là 4 tháng.

**B.** Mật độ thả cá tùy theo loài và khả năng quản lý của người nuôi.

**C.** Ở miền Nam có thể ương nuôi giai đoạn này quanh năm.

**D.** Ở miền Bắc có 2 vụ chính trong năm để ương nuôi giai đoạn này.

**Câu 23.** Phát biểu nào dưới đây là đúng khi nói về thực trạng khai thác rừng ở nước ta trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020?

**A.** Tổng sản lượng gỗ khai thác hằng năm trên toàn quốc giảm dần.

**B.** Sản lượng gỗ khai thác hằng năm từ rừng trồng tập trung tăng mạnh.

**C.** Sản lượng gỗ khai thác hằng năm từ rừng tự nhiên tăng đều các năm.

**D.** Sản lượng gỗ khai thác hằng năm từ rừng trồng tập trung giảm liên tục.

**Câu 24.** Vai trò của công nghệ sinh học trong chế biến thức ăn thủy sản giàu lysine từ phế phụ phẩm cá tra là vai trò nào sau đây?

**A.** Bổ sung enzyme thích hợp để thủy phân protein có trong phụ phẩm cá tra thành lysine.

**B.** Bổ sung enzyme thích hợp để thủy phân lipid có trong phụ phẩm cá tra thành Lysine vi khuẩn, nhờ đó kéo dài thời gian bảo quản.

**C.** Bổ sung một số loại enzyme và chế phẩm vi sinh có khả năng ức chế nấm mốc,

**D.** Bổ sung nấm men để lên men cám gạo dùng làm thức ăn nuôi artemia.

**PHẦN II.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Trong buổi hoạt động ngoại khoá của một nhóm học sinh tại Vườn quốc gia, cán bộ quản lý Vườn Quốc gia cho nhóm học sinh thảo luận về chủ đề "nhiệm vụ khai thác tài nguyên rừng bền vững". Dưới đây là một số ý kiến trong buổi thảo luận, em hãy cho biết đúng hay sai?

**A.** Chỉ được khai thác động vật rừng.

**B.** Khai thác lâm sản trong mỗi loại rừng cần thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học.

**C.** Được khai thác tất cả những cây rừng đã thành thực.

**D.** Cần tuân thủ nghiêm ngặt quy định của pháp luật đối với việc khai thác các loài động, thực vật rừng quý, hiếm và các loài được ưu tiên bảo vệ.

**Câu 2.** Dưới đây là mô tả của một học sinh về xử lý nước thải sau nuôi thủy sản:

“Đối với hệ thống nuôi không xuất hiện dịch bệnh, có thể xử lý nước thải bằng hệ thống ao lắng để tái sử dụng cho vụ sau hoặc dùng nước thải để tưới cho cây trồng, còn gọi là mô hình nuôi kết hợp. Đối với ao nuôi nhiễm bệnh, cần thải nước từ ao nuôi ra kênh mương bên ngoài ngay để tránh lây lan mầm bệnh cho ao nuôi khác trong trại”.

Từ mô tả trên, có một số nhận định sau, em hãy cho biết đúng hay sai?

**A.** Việc xử lý nước thải từ ao nuôi không xuất hiện dịch bệnh để sử dụng cho vụ nuôi sau là không phù hợp.

**B.** Sử dụng nước thải sau nuôi thủy sản để tưới cho cây trồng là phù hợp.

**C.** Xả nước thải ao nuôi nhiễm bệnh ra kênh mương bên ngoài là phù hợp.

**D.** Mô hình trồng cây - nuôi cá là mô hình nuôi kết hợp.

**Câu 3.** Nhà trường tổ chức cho học sinh đi trải nghiệm ở trại nuôi thủy sản, nhóm học sinh thảo luận về lựa chọn nguồn nước và điều kiện thổ nhưỡng để xây dựng trại nuôi để viết báo cáo thu hoạch. Sau đây là một số ý kiến thảo luận, em hãy cho biết đúng hay sai?

**A.** Trại nuôi cần có nguồn nước cấp có chất lượng tốt và đảm bảo trữ lượng phù hợp.

**B.** Tránh lựa chọn vị trí nuôi có nguồn nước bị xả thải từ dân cư, trồng trọt và chăn nuôi.

**C.** Trong ao, tuy nước luôn tiếp xúc với nền đất nhưng không có sự trao đổi vật chất với nền đáy.

**D.** Ao nuôi có nền đáy bị chua phèn không ảnh hưởng đến chất lượng nước ao.

**Câu 4.** Một nhóm học sinh lên kế hoạch cho bài thực hành thả cá bột vào ao ương. Học sinh trong nhóm cho ý kiến về hoạt động này như sau, em hãy cho biết đúng hay sai?

**A.** Thời điểm thả phù hợp trong năm ở miền Bắc là từ cuối tháng 2 đến tháng 5.

**B.** Thả túi cả bột xuống ao, mở ngay túi cá ra và cho nước ở ngoài ao vào.

**C.** Cho cá bơi từ từ ra ngoài.

**D.** Thả cá vào buổi trưa khi trời nắng to.

## ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24

( Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

| Câu  | 1  | 2  | 3  | 4  | 5  | 6  | 7  | 8  |
|------|----|----|----|----|----|----|----|----|
| Chọn | A  | C  | D  | B  | C  | B  | B  | D  |
| Câu  | 9  | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| Chọn | B  | B  | D  | A  | A  | C  | D  | D  |
| Câu  | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 |
| Chọn | C  | B  | B  | C  | B  | A  | B  | A  |

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 04 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;

| Câu           | 1                            | 2                            | 3                            | 4                            |
|---------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| <b>Đáp án</b> | a) S<br>b) Đ<br>c) S<br>d) Đ | a) S<br>b) Đ<br>c) S<br>d) Đ | a) Đ<br>b) Đ<br>c) S<br>d) S | a) Đ<br>b) S<br>c) Đ<br>d) S |